

Số: 19 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận thanh tra số 57/KL-TTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam;

Xét nội dung Công văn số 1384/TT-NV2 ngày 14/4/2026 của Thanh tra tỉnh (đính kèm), Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nội dung kiến nghị, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng Sở, ngành, địa phương, đơn vị và tổ chức có liên quan trong việc khắc phục tồn tại, hạn chế, sai phạm; bảo đảm việc quản lý, sử dụng đất đai, tài sản nhà nước đúng quy định pháp luật.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm; phòng ngừa phát sinh vi phạm tương tự.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Kiểm tra, rà soát các Quyết định thu hồi đất để đảm bảo thu hồi đất về địa phương kịp thời, tránh việc đã có Quyết định thu hồi nhưng chưa làm các thủ tục bàn giao, vấn đề cho các Công ty quản lý, sử dụng không đúng quy định pháp luật (điểm 4.1 và điểm 4.4, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

- Kiểm tra, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật việc Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh nhận bàn giao diện tích đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết sử dụng để trồng cây cao su và cây keo lai khi chưa được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa ký hợp đồng thuê đất (tiết 4.3.2, điểm 4.3, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

- Theo dõi, kịp thời tham mưu xử lý, thu hồi đất đã cho các công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam quản lý, thuê sử dụng đất sản xuất kinh doanh nhưng bị các tổ chức, cá nhân lấn, chiếm đất của nhà nước, đảm bảo quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Chỉ đạo tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thiếu sót, vi phạm nêu trên theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì báo cáo UBND thành phố xem xét việc chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định.

2. Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường có đất bị lấn, chiếm xử lý diện tích đất bị lấn, chiếm; đưa đất vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật (điểm 4.2, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

3. Giao Sở Nội vụ:

- Tham mưu Chủ tịch UBND thành phố tổ chức kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, xác định rõ trách nhiệm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân liên quan thuộc thẩm quyền UBND thành phố.

- Theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với những thiếu sót, vi phạm đã được nêu tại Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ.

4. Giao Thanh tra thành phố: Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ, tham mưu UBND thành phố báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; đảm bảo các tài liệu chứng minh kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra của Thanh tra Chính phủ gửi Thanh tra thành phố tổng hợp **trước ngày 20/5/2026**; giao Thanh tra thành phố tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, rà soát, tham mưu đề xuất trình và dự thảo văn bản của UBND thành phố báo cáo Thanh tra Chính phủ **trước ngày 25/05/2026**.

2. Trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Thanh tra thành phố tổng hợp, báo cáo tham mưu UBND thành phố xem xét, chỉ đạo xử lý theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ, yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương tổ chức thực hiện. *T. W*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Thanh tra thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nội vụ;
- Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Nai;
- Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh;
- Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú;
- Lưu: VT, KGVX, KTN (Đ.Thắng KH 01). *P*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Anh

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
THANH TRA TỈNH**

Số: 1384 /TT-NV2

V/v báo cáo tiến độ tham mưu dự
thảo Kế hoạch triển khai thực hiện
Kết luận số 57/KL-TTTP ngày
13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Công văn số 4676/UBND-KTN ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh về việc giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ các đơn vị thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ liên quan việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; kết quả báo cáo UBND tỉnh trước ngày 01/4/2026.

Qua nghiên cứu nội dung Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ và Thông báo số 475/TB-TTTP ngày 27/02/2026 của Thanh tra Chính phủ; Thanh tra tỉnh đã dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/2/2026 của Thanh tra Chính phủ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường góp ý tại Công văn số 1166/TT-NV2 ngày 31/3/2026.

Ngày 02/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 5242/SNNMT-PC thống nhất nội dung dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 57/KL-TTTP ngày 13/2/2026 của Thanh tra Chính phủ. Tuy nhiên, ngày 03/4/2026 Thanh tra tỉnh tiếp tục nhận được Công văn số 5297/SNNMT-QH ngày 02/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc góp ý đối với dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận thanh tra số 57/KL-TTTP ngày 13/2/2026 của Thanh tra Chính phủ.

Để thống nhất nội dung tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ các đơn vị thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ, ngày 08/4/2026 Thanh tra tỉnh đã làm việc với Sở Nông nghiệp và Môi trường để trao đổi, thống nhất nội dung dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 57/KL-TTTP ngày 13/02/2026 của Thanh tra Chính phủ.

Trên cơ sở thống nhất, Thanh tra tỉnh kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành./. (dự thảo kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
 - BLĐ Thanh tra tỉnh;
 - Lưu: VT, PNV2 (Oanh).
- Trần Huy Hùng- PTP NV2

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Phạm Văn Thuận

BẢN SỐ: 10

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến ngày 02 tháng 02 năm 2024

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 57 /KL-TTCP

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2025

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

ĐẾN Số: 2218 A
Ngày: 03/3/25
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Quyết định số 756/QĐ-TTCP ngày 01/8/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thanh tra việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày 05/8/2025 đến ngày 29/10/2025. Căn cứ Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra, Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra của Cục Giám sát và thẩm định, Tổng Thanh tra Chính phủ kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi là "Tập đoàn") tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ và được chuyển đổi từ mô hình Tổng Công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con tại Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại Quyết định số 2090/QĐ-TTg ngày 26/12/2017. Ngày 18/4/2018, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 421/QĐ-TTg điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, như sau: tổng số 4.000.000.000 cổ phần; mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó: cổ phần nhà nước là 3.870.842.819 cổ phần, chiếm 96,77% vốn điều lệ; Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 28.813.371 cổ phần, chiếm 0,72% vốn điều lệ; Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp là 726.250 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ; Cổ phần của các cổ đông khác 99.617.560 cổ phần, chiếm 2,49% vốn điều lệ.

Tập đoàn chính thức chuyển đổi mô hình từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) sang Công ty cổ phần vào ngày 01/6/2018, mang tên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần. Ngày 15/11/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tập đoàn cho Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 28/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 38/NQ-CP, chuyển giao quyền đại

[Handwritten signature]

diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tập đoàn từ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước sang Bộ Tài chính.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số doanh nghiệp 0301266564; đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/01/2022. Vốn điều lệ 40.000 tỷ đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công Kha - Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Ông Lê Thanh Hưng - Tổng giám đốc.

- Ngành nghề kinh doanh: Trồng, khai thác, chế biến cao su; chế biến gỗ; đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư trên đất cao su; sản phẩm công nghiệp cao su; phát triển nông nghiệp công nghệ cao và các lĩnh vực khác.

- Tổ chức và hoạt động:

Cơ cấu tổ chức của Tập đoàn: Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm Chủ tịch HĐQT đại diện vốn nhà nước và 05 thành viên HĐQT (03 Thành viên HĐQT đại diện vốn nhà nước; 02 Thành viên độc lập HĐQT); Ban kiểm soát: gồm Trưởng Ban kiểm soát và 02 Kiểm soát viên kiêm nhiệm; Tổng giám đốc là Thành viên HĐQT và các Phó Tổng giám đốc (trong đó Phó Tổng Giám đốc thường trực là Thành viên HĐQT); Phụ trách Kế toán và Bộ máy giúp việc. Bộ máy giúp việc bao gồm các Ban chuyên môn.

Mô hình hoạt động: Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ 96,77% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2024, quy mô hoạt động của Tập đoàn gồm: 04 đơn vị sự nghiệp do Công ty mẹ - Tập đoàn nắm giữ 100% vốn; 20 Công ty TNHH MTV do Công ty mẹ - Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ; 27 Công ty cổ phần do Công ty mẹ - Tập đoàn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 19 Công ty liên kết do Công ty mẹ - Tập đoàn nắm giữ từ 28% đến 49% vốn điều lệ; Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư khác vào 10 công ty với số vốn điều lệ nắm giữ dưới 20%.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn 2018 - 2024 (đã được kiểm toán), một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản	77.308.203	78.517.040	80.278.179	79.014.198	78.376.930	78.062.094	83.383.683
- Tài sản ngắn hạn	18.414.074	21.069.823	22.166.797	22.769.352	23.395.887	23.842.249	27.670.286
- Tài sản dài hạn	58.894.129	57.447.217	58.111.382	56.244.846	54.981.043	54.219.845	55.713.397
Tổng nguồn vốn	77.308.203	78.517.040	80.278.179	79.014.198	78.376.930	78.062.094	83.383.683
- Nợ phải trả	27.739.900	27.920.490	28.847.527	27.074.158	24.910.885	23.084.891	24.986.520
- Vốn chủ sở hữu	49.568.303	50.596.550	51.430.652	51.940.040	53.466.045	54.977.203	58.397.163
Doanh thu, thu nhập	22.992.444	22.872.685	25.873.594	28.350.827	28.337.831	24.699.161	28.739.254
Tổng chi phí	19.739.333	18.217.373	19.962.419	22.138.058	22.636.212	20.585.269	23.132.863
Lợi nhuận trước thuế	3.253.111	4.655.312	5.911.175	6.212.769	5.701.619	4.113.892	5.606.391

W

ck

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng vốn, tài sản của nhà nước và thực hiện quyền, trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn

Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đồng bộ và phù hợp với mô hình công ty cổ phần, Tập đoàn đã ban hành điều chỉnh các quy định nội bộ cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần, gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,... Tuy nhiên, trong giai đoạn 2018-2024 vẫn còn một số thiếu sót, tồn tại, hạn chế như sau:

1. Công ty mẹ - Tập đoàn chưa ban hành Quy chế quản lý tiền mặt, tiền gửi theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn¹.

2. Có 03/06 đơn vị² được thanh tra chưa xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế quản lý Người đại diện vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác trong giai đoạn 2018-2024 theo quy định của Tập đoàn³.

3. Có 04/06 đơn vị⁴ được thanh tra chưa xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các đơn vị do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và các công ty có vốn đầu tư trong giai đoạn 2018-2024 theo quy định của Tập đoàn⁵.

4. HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn chậm ban hành/không ban hành (năm 2021, 2022 chậm ban hành; năm 2023 không ban hành) Nghị quyết, Văn bản hướng dẫn định suất đầu tư tối đa kiến thiết cơ bản do các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư theo quy định của Tập đoàn⁶.

¹ Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn quy định:

+ Điểm a khoản 3 Điều 30: "*Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây: a) Ban hành các quy chế nội bộ có liên quan bao gồm: Quy chế quản lý công nợ; Quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi; Quy định về chế độ công tác phí, tiếp khách, hội họp, chế độ hội nghị, nghỉ phép năm, sử dụng tài sản và thực hiện chi phí tại Công ty mẹ; Quy chế quản lý tiền mặt, tiền gửi của Công ty mẹ*".

+ Điểm a khoản 3 Điều 31: "*Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây: a) Ban hành các quy chế nội bộ có liên quan bao gồm: Quy chế quản lý công nợ; Quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi; Quy định về chế độ công tác phí, tiếp khách, hội họp, chế độ hội nghị, nghỉ phép năm, sử dụng tài sản và thực hiện chi phí tại Công ty mẹ; Quy chế quản lý tiền mặt, tiền gửi của Công ty mẹ*".

² Gồm: Công ty CP Cao su Đồng Phú, Công ty CP Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Tổng Cty Cao su Đồng Nai.

³ Khoản 4 Điều 18 Quyết định số 35/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/02/2023 của HĐQT Tập đoàn quy định: "*Căn cứ Quy chế này, HĐTV/HĐQT các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn phải xây dựng và ban hành Quy chế quản lý Người đại diện vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác theo hướng phù hợp với Điều lệ và điều kiện cụ thể đơn vị nhưng không trái với Quy chế này để tổ chức thực hiện theo quy định*".

⁴ Gồm: Công ty CP Cao su Đồng Phú, Công ty CP Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Tổng Cty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

⁵ Khoản 3, Điều 21 Quyết định số 379/QĐ-HĐQTCSVN quy định: "*3. Hội đồng thành viên các Công ty TNHH MTV do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp có thu, có trách nhiệm: Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành để xây dựng và thực hiện Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các đơn vị do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và các công ty có vốn đầu tư của Công ty*".

⁶ Tại điểm 5.2.1 khoản 5.2 Điều 5 Quyết định số 428/QĐ-HĐQTCSVN ngày 15/11/2018 của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Cao su Việt Nam về việc ban hành quy định quản lý suất đầu tư trồng và chăm sóc cao su KTCB do đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam-CTCP làm chủ đầu tư.

He

Chu

II. Việc quản lý, sử dụng vốn của nhà nước tại Tập đoàn

1. Việc quản lý, sử dụng vốn của nhà nước tại Tập đoàn và việc chia cổ tức cho phần vốn góp của nhà nước tại Tập đoàn

- Theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Tập đoàn, tại thời điểm 01/6/2018 (thời điểm Tập đoàn chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần), vốn đầu tư của chủ sở hữu là 40.000.000 triệu đồng, gồm: Vốn nhà nước 38.708.428,19 triệu đồng (chiếm 96,77% vốn điều lệ); vốn của người lao động 288.133,71 triệu đồng (chiếm 0,72% vốn điều lệ); vốn của tổ chức công đoàn 7.262,5 triệu đồng (chiếm 0,02% vốn điều lệ); vốn của các cổ đông khác 996.175,6 triệu đồng (chiếm 2,49% vốn điều lệ), vốn chủ sở hữu từ năm 2018-2024 của Công ty mẹ - Tập đoàn, như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Tại ngày 31/12	Vốn chủ sở hữu	Trong đó:		
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2018	41.332.334.720.550	40.000.000.000.000	0	1.326.747.514.108
Năm 2019	42.797.300.385.077	40.000.000.000.000	206.396.524.636	2.590.903.860.441
Năm 2020	43.347.612.791.957	40.000.000.000.000	384.238.385.077	2.963.374.406.880
Năm 2021	43.265.650.878.060	40.000.000.000.000	931.490.791.957	2.334.160.086.103
Năm 2022	43.339.886.724.984	40.000.000.000.000	1.609.242.678.060	1.730.644.046.924
Năm 2023	43.387.438.797.510	40.000.000.000.000	1.929.177.065.651	1.458.261.731.859
Năm 2024	44.529.492.179.837	40.000.000.000.000	2.175.960.529.282	2.353.531.650.555

Người đại diện vốn của nhà nước tại Tập đoàn và số vốn nhà nước ủy quyền tại thời điểm 31/12/2024 theo báo cáo của Tập đoàn; Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn giai đoạn 2018-2024 được phân phối theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết HĐQT Tập đoàn các năm từ năm 2019 đến năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục số 01).

Công ty mẹ - Tập đoàn báo cáo, từ năm 2018 đến năm 2024 công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ⁷).

⁷ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ: "1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau: ...

Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

- Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
- Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp (nếu Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp có quy định việc trích lập Quỹ này).

(Chữ ký)

(Chi tiết tại Phụ lục số 01)

Trong giai đoạn 2018 - 2024, hàng năm, Tập đoàn lập kế hoạch chi tiết về đầu tư phát triển cho từng đơn vị thành viên, trình xin ý kiến Cơ quan Đại diện chủ sở hữu xem xét thỏa thuận và được chấp thuận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm cơ sở tạm ứng vốn. Công ty mẹ Tập đoàn tạm ứng vốn đầu tư cho 17 đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn, tính đến ngày 31/12/2024 số tiền 2.304.428,21 triệu đồng đang theo dõi trên tài khoản phải thu - phải trả nhưng không có văn bản thỏa thuận với các công ty thành viên là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: "*Công ty mẹ thực hiện hỗ trợ vốn nội bộ theo khả năng của Công ty mẹ hoặc huy động vốn chưa sử dụng của các Công ty con thông qua hợp đồng, văn bản thỏa thuận với các công ty con theo nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và bảo toàn vốn*".

(Chi tiết tại Phụ lục số 02)

2. Việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển tại Tập đoàn và một số công ty con của Tập đoàn

2.1. Việc trích Quỹ đầu tư phát triển tại Tập đoàn

Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ): "*2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp*".

Sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế các năm từ 2018 đến năm 2024 của Tập đoàn^{*}. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn đã tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên các năm từ 2019 đến năm 2025 của Tập đoàn, từ lợi nhuận sau thuế các năm từ 2018 đến năm 2024 Tập đoàn đã trích Quỹ đầu tư phát triển đảm bảo tỷ lệ theo quy định (nêu tại khoản 1 Mục II, Phần B, Kết luận thanh tra). Số dư Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn đã được kiểm toán là 2.175.960,52 triệu đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

- Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về tạo động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết bằng tiền, bằng cổ phiếu cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước để thực hiện dự án quan trọng quốc gia ...".

^{*} Văn bản số 575/UBNDQV-NN ngày 10/05/2019, số 985/UBQLV-NN ngày 10/6/2020, số 641/UBQLV-NN ngày 29/04/2021, số 766/UBQLV-NN ngày 10/6/2022, số 946/UBQLV-NN ngày 26/05/2023, số 1210/UBQLV-NN ngày 14/06/2024, số 7949/UBQLV-NN ngày 06/06/2025 của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Ho *che*

2025⁹ Tập đoàn trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tập đoàn, số tiền 704.705,69 triệu đồng.

Theo báo cáo của Tập đoàn, nhu cầu đầu tư của Tập đoàn trong giai đoạn 2025-2030 là rất lớn (chi tiết tại Phụ lục số 01).

2.2. Việc trích Quỹ đầu tư phát triển tại một số công ty con thuộc Tập đoàn

Kiểm tra việc trích Quỹ đầu tư phát triển nhưng chưa sử dụng của 03 công ty con thuộc Tập đoàn¹⁰ thấy:

- Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum: Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 627.880,17 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 627.880,17 triệu đồng, vốn góp của Tập đoàn chiếm 100% vốn điều lệ.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty: Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2024 là 42.145,14 triệu đồng. Công ty báo cáo (tại Văn bản số 1357/CSKT-TCKT ngày 10/9/2025) năm 2024 chưa sử dụng Quỹ đầu tư phát triển; Hội đồng quản trị Tập đoàn có Quyết định số 75/QĐ-HĐQTCSVN ngày 29/03/2024 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 cho Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum, không có kế hoạch vốn đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển.

- Công ty TNHH MTV Cao su Ea H'leo: Vốn điều lệ Công ty đăng ký là 615.594,49 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 615.594,49 triệu đồng, vốn góp của Tập đoàn chiếm 100% vốn điều lệ.

Theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty: Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2024 là 23.454,36 triệu đồng. Công ty báo cáo (tại Văn bản số 1166/BC-CSEL ngày 15/9/2025) năm 2024 chưa sử dụng Quỹ đầu tư phát triển; Hội đồng quản trị Tập đoàn có Quyết định số 74/QĐ-HĐQTCSVN ngày 29/03/2024 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 cho Công ty TNHH MTV Cao su Ea H'leo, không có kế hoạch vốn đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển.

- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long: Vốn điều lệ Công ty đăng ký là 935.038,75 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 935.038,75 triệu đồng, vốn góp của Tập đoàn chiếm 100% vốn điều lệ.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty: Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01/01/2024 là 0 đồng, tại ngày 31/12/2024 là 74.072,79 triệu đồng. Công ty báo cáo (tại Văn bản số 892[^]/CSBL-TCKT ngày 15/10/2025) trong giai đoạn năm 2018 đến năm 2024 chưa sử dụng đến quỹ Đầu tư phát triển; Hội đồng quản trị Tập đoàn có Quyết định số 66/QĐ-HĐQTCSVN ngày 29/03/2024 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, không có kế hoạch vốn đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển.

Theo khoản 1 Điều 75 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày 17/6/2024), khoản 1 Điều 71 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào

⁹ Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 17/6/2025 của Tập đoàn.

¹⁰ Gồm: Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum, Công ty TNHH MTV Cao su Ea H'leo và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

 

ngày 17/6/2025): “1. Tập đoàn chấp hành cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn”.

Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-HĐQTCSVN ngày 03/8/2024):

“Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính: 2. Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính đối với công ty con theo quy định của pháp luật về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; ...

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn: 2. Có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả, tối ưu hóa lợi ích từ các nguồn lực của Công ty mẹ, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, vốn huy động, đất đai, lao động và các nguồn lực khác. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông về hiệu quả sử dụng vốn của Công ty mẹ”.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 32 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ): “2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp”.

Như vậy: Theo quy định nêu trên, việc 03 Công ty trích Quỹ đầu tư phát triển nhưng chưa sử dụng, chưa đảm bảo hiệu quả, chưa tối ưu hóa lợi ích các nguồn lực của Tập đoàn.

2.3. Việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà

Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-HĐQTCSVN ngày 03/8/2024) quy định:

“Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính.

2. Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính đối với công ty con theo quy định của pháp luật về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; ...”.

Theo quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn nêu trên, việc giám sát tài chính đối với công ty con thực hiện theo quy định của pháp luật về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Qua kiểm tra trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, từ năm 2018 đến năm 2024 Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà (công ty con của Tập đoàn) đã trích quỹ đầu tư phát triển, số dư Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2018 là 772.813,02 triệu đồng, tại ngày 31/12/2024 là 1.080.829,46 triệu đồng.

- Theo báo cáo của Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà¹¹:

+ Mục đích sử dụng Quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo đúng quy định¹². Theo đó, Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư

¹¹ Tại Văn bản số 1534/BC-CSPH ngày 21/10/2025 về tình hình quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển giai đoạn 2009-2024.

¹² Tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

sa ch

phát triển khoa học và công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2009 đến 30/6/2025: tổng số tiền Công ty đã trích Quỹ Đầu tư phát triển là 1.689.582,5 triệu đồng; thực hiện tăng vốn điều lệ (năm 2018) từ Quỹ Đầu tư phát triển là 541.991,98 triệu đồng. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018 là 772.813,02 triệu đồng, tại ngày 31/12/2024 là 1.080.829,27 triệu đồng thời điểm 30/6/2025 là 1.175.870,28 triệu đồng. Công ty đã sử dụng cho các công trình đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ là 1.111.996,26 triệu đồng (tổng số 454 hạng mục công trình thực hiện từ năm 2009-2024), trong đó giá trị quyết toán của các dự án đã hoàn thành được duyệt theo quyết định phê duyệt của HĐQT Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà và hạch toán tăng TSCĐ là 898.363,50 triệu đồng, phần còn lại là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các dự án, công trình đang tiếp tục triển khai.

+ Số dư thực tế Quỹ Đầu tư phát triển chưa sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 63.874,02 triệu đồng, Công ty đã có kế hoạch sử dụng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ phục vụ hoạt động SXKD trong năm 2025, kế hoạch này đã được Tập đoàn thỏa thuận với tổng nguồn vốn cho đầu tư XDCB trong năm là 97.208 triệu đồng.

+ Trong quá trình quản lý và sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển, Công ty chưa trình cấp có thẩm quyền tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi hoàn thành đầu tư tăng TSCĐ từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển, dẫn đến số dư trên sổ sách kế toán là 1.175.870,28 triệu đồng.

Việc Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đầu tư các công trình đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ và đã hoàn thành được phê duyệt theo quyết định của HĐQT Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà đã hạch toán tăng TSCĐ, nhưng chưa trình cấp có thẩm quyền tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, chưa đúng quy định tại:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 (được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024):

+ Khoản 1 Điều 5 quy định: “Điều 5. Yêu cầu kế toán: 1. Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính”.

+ Khoản 3 Điều 6 quy định: “Điều 6. Nguyên tắc kế toán: 3. Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh”.

- Tiết h, điểm 3.1, khoản 3, Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: “Trường hợp TSCĐ hữu hình tăng do đầu tư XDCB hoàn thành: Trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình XDCB hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng, nhưng chưa được duyệt quyết toán vốn đầu tư, thì doanh nghiệp căn cứ vào chi phí đầu tư XDCB thực tế, tạm tính nguyên giá để hạch toán tăng, giảm TSCĐ (để có cơ sở tính và trích khấu hao TSCĐ đưa vào sử dụng). Sau khi quyết toán vốn đầu tư XDCB được duyệt, nếu có chênh lệch so với giá trị TSCĐ đã tạm tính thì kế toán thực hiện điều chỉnh tăng, giảm số chênh lệch, ... Nếu TSCĐ được đầu tư bằng

Handwritten signature

nguồn vốn đầu tư XDCB, khi quyết toán được phê duyệt có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phải ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu”.

3. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế/chia cổ tức và nộp cổ tức, lợi nhuận về Công ty mẹ - Tập đoàn

Tại thời điểm 31/7/2025, tổng số lợi nhuận, cổ tức các đơn vị thành viên của Tập đoàn còn phải nộp về Công ty mẹ - Tập đoàn là 1.485.774,58 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 03). Tập đoàn báo cáo đến thời điểm 31/10/2025, các công ty đã nộp lợi nhuận/cổ tức về Tập đoàn số tiền 649.621,66 triệu đồng; Số lợi nhuận/cổ tức các công ty chưa nộp về Tập đoàn là 836.152,92 triệu đồng, một số công ty thuộc Tập đoàn chưa thực hiện nộp kịp thời khoản cổ tức/lợi nhuận được chia về Công ty mẹ.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020: “Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên”.

Khoản 1 Điều 75 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày 17/6/2024), khoản 1 Điều 71 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày 17/6/2025) quy định: “1. Tập đoàn chấp hành cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn”.

Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-HĐQTCSVN ngày 03/8/2024) quy định:

“Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính.

2. Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính đối với công ty con theo quy định của pháp luật về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; ...

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn.

2. Có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả, tối ưu hóa lợi ích từ các nguồn lực của Công ty mẹ, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, vốn huy động, đất đai, lao động và các nguồn lực khác. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông về hiệu quả sử dụng vốn của Công ty mẹ”.

Qua kiểm tra 04 công ty con của Tập đoàn¹³ thấy các công ty chưa phân phối hết lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức cho các cổ đông góp vốn theo quy định¹⁴ (trong đó có phần vốn góp của Tập đoàn).

¹³ Gồm: Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc, Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Cờn, Công ty cổ phần VRG - Đắk Nông, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú.

¹⁴ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ: “1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp (nếu Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp có quy định việc trích lập Quỹ này).

(1) Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc: Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 260.213 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 260.213 triệu đồng¹⁵.

Theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2024 là 458.159,57 triệu đồng.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc¹⁶: (i) Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 458.159,57 triệu đồng, phân phối lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2024: 415.426 triệu đồng¹⁷, lợi nhuận còn lại 42.733,57 triệu đồng; (ii) Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc không có kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo quy định¹⁸.

Như vậy, Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc chưa phân phối hết lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 42.733,57 triệu đồng để chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định tại Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

(2) Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn: Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 374.920 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 374.920 triệu đồng¹⁹.

Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết bằng tiền, bằng cổ phiếu cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định...

Khoản 5 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025: "5. Doanh nghiệp thực hiện quản lý vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thông qua người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ công ty".

Khoản 1 Điều 75 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua vào ngày 17/6/2024), khoản 1 Điều 71 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua vào ngày 17/6/2025): "1. Tập đoàn chấp hành cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn."

Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-HĐQTCSVN ngày 03/8/2024) quy định: "Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính: ... 2. Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính đối với công ty con theo quy định của pháp luật về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; ...

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn.

2. Có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả, tối ưu hóa lợi ích từ các nguồn lực của Công ty mẹ, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, ..."

¹⁵ Trong đó: Tập đoàn góp 71,03% vốn điều lệ; Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê (Công ty con của Tập đoàn) góp 9,9% vốn điều lệ.

¹⁶ Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc.

¹⁷ Trong đó: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2.776 triệu đồng; Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp 105 triệu đồng; Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST) 22.225 triệu đồng; Chia cổ tức (150% VDL) 390.320 triệu đồng.

¹⁸ Khoản 1 Điều 67 Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: "1. Nguyên tắc kế toán: ...b) Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm: Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu; Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh; ..."

¹⁹ Tập đoàn góp 51,01% vốn điều lệ; Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng (Công ty con của Tập đoàn) góp 15,2% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa (Công ty con của Tập đoàn) góp 15,2% vốn điều lệ.

Ch *Ch*

Theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2024 là 184.146,16 triệu đồng²⁰.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn²¹: (i) Lợi nhuận phân phối 184.146,16 triệu đồng, phân phối 135.675 triệu đồng²², lợi nhuận để lại chuyển sang năm 2025 là 48.471,16 triệu đồng; (ii) Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn không có kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Như vậy, Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn chưa phân phối hết lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 48.471,16 triệu đồng để chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định tại Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

(3) Công ty cổ phần VRG - Đăk Nông: Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 297.728 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 297.728 triệu đồng²³.

Theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần VRG - Đăk Nông, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2024 là 84.041,24 triệu đồng²⁴.

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.VDN ngày 25/6/2025 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần VRG - Đăk Nông: (i) Lợi nhuận 98.113,3 triệu đồng, phân phối 16.979,06 triệu đồng²⁵, lợi nhuận còn lại 81.134,24 triệu đồng (Công ty cổ phần VRG-Đăk Nông chưa chia cổ tức năm 2024); (ii) Công ty cổ phần VRG - Đăk Nông không có kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Như vậy, Công ty cổ phần VRG - Đăk Nông chưa phân phối hết lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 81.134,24 triệu đồng để chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định tại Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

(4) Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú: vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh là 868.859,32 triệu đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024 là 868.859,32 triệu đồng, vốn góp của Tập đoàn chiếm 55,24% vốn điều lệ.

²⁰ Trong đó: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước là 130.733,44 triệu đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này 53.412,72 triệu đồng.

²¹ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.GSC ngày 29/6/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn.

²² Gồm: Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động: 7.012 triệu đồng; Trích Quỹ thưởng người quản lý: 163 triệu đồng; Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST): 16.024 triệu đồng; Chia cổ tức (30% VDL): 112.476 triệu đồng.

²³ Tập đoàn góp 68,6% vốn điều lệ; Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh (Công ty con của Tập đoàn) góp 17,63% vốn điều lệ.

²⁴ Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước là 51.206,43 triệu đồng; lợi nhuận chưa phân phối năm nay 32.834,81 triệu đồng.

²⁵ Gồm: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động: 2.742 triệu đồng; trích Quỹ thưởng người quản lý: 165 triệu đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST): 14.072,06 triệu đồng.

Theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2024 là 300.927,19 triệu đồng.

Nghị quyết số 131/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú: (i) Lợi nhuận sau thuế 300.972 triệu đồng, phân phối 286.313 triệu đồng²⁶, lợi nhuận còn lại 14.659 triệu đồng; (ii) Theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2025, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú không có kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Như vậy, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú chưa phân phối hết lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 14.659 triệu đồng để chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định tại Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

III. Việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước tại Tập đoàn

1. Quản lý nợ phải thu tại Công ty mẹ - Tập đoàn

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Tập đoàn, nợ phải thu ngắn hạn lũy kế đến ngày 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm 2024 là 1.281.716,75 triệu đồng, nợ phải thu ngắn hạn quá hạn 282.498,97 triệu đồng, trong đó: Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm là 7.454,94 triệu đồng, nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm là 1.489,89 triệu đồng, nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm là 10.619,83 triệu đồng, nợ quá hạn trên 3 năm hoặc nợ xấu là 327.822,52 triệu đồng và đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 126.982,92 triệu đồng.

Tập đoàn và các đơn vị chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ công nợ phải thu ngắn hạn số tiền 459.645,13 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 04a*). Theo báo của Tập đoàn, nguyên nhân chưa thực hiện đối chiếu công nợ chủ yếu là do các khách hàng, đối tác chưa phản hồi biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ của Tập đoàn và các công ty thuộc Tập đoàn.

Theo báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn năm 2024 (đã được kiểm toán) của Tập đoàn, tại ngày 31/12/2024 các khoản phải thu ngắn hạn là 1.211.608,18 triệu đồng, các khoản phải thu dài hạn là 2.681.130,93 triệu đồng; theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tại ngày 31/12/2024 các khoản phải thu ngắn hạn là 2.539.074,72 triệu đồng, các khoản phải thu dài hạn là 607.786,54 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 04b*).

Qua thanh tra một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán tại Công ty mẹ - Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai thấy:

1.1. Việc quản lý, theo dõi nợ phải thu quá hạn thanh toán tại Công ty mẹ - Tập đoàn

1.1.1. Đối với khoản trả nợ thay của Công ty TNHH Cao su Hương Khê Hà Tĩnh

Tính đến thời điểm 31/12/2024, theo 15 Hợp đồng thanh toán thay và nhận lại nợ từ tháng 01/2019 đến 30/12/2022 giữa Công ty Mẹ - Tập đoàn và Công ty

²⁶ Gồm: Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST): 67.189 triệu đồng; trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 45.095 triệu đồng; trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp: 257 triệu đồng; chia cổ tức (20% VDL): 173.772 triệu đồng.

Tr *Ch*

TNHH Cao su Hương Khê Hà Tĩnh: Tổng số nợ quá hạn thanh toán của Công ty TNHH Cao su Hương Khê Hà Tĩnh là 73.992,34 triệu đồng (nợ gốc); Công ty mẹ - Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn khó đòi lũy kế đến ngày 31/12/2024 số tiền 39.209,36 triệu đồng.

Theo báo cáo của Tập đoàn: Hằng năm, Tập đoàn lập bảng kê chi tiết lãi vay và đối chiếu công nợ đầy đủ với Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê Hà Tĩnh (Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/01/2024, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/02/2025). Công ty Mẹ - Tập đoàn báo cáo, đã có nhiều văn bản đôn đốc, yêu cầu Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê Hà Tĩnh thanh toán, có hợp đồng đã được Công ty mẹ - Tập đoàn gia hạn nhiều lần nhưng Công ty không trả nợ đúng hạn, không thực hiện đúng cam kết, kế hoạch trả nợ cho Tập đoàn. Tình hình SXKD nhiều năm qua của Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê Hà Tĩnh rất khó khăn, do năng suất vườn cây thấp, bình quân chỉ 0,77 tấn/ha. Nguyên nhân là do điều kiện thổ nhưỡng và địa hình phức tạp, đất hạng III kết hợp với độ dốc cao nên vườn cây sinh trưởng chậm. Giá bán mủ trong giai đoạn 2018-2023 rất thấp cộng thêm chi phí lãi vay cao nên Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê Hà Tĩnh lỗ liên tục trong các năm. Năm 2024 khi giá bán mủ cao su tăng, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bắt đầu có lợi nhuận.

1.1.2. Đối với khoản trả nợ thay Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, căn cứ 07 Hợp đồng thanh toán thay và nhận lại nợ từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 7 năm 2019 giữa Công ty mẹ - Tập đoàn và Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang: Tổng số nợ quá hạn thanh toán của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang là 181.362,09 triệu đồng (nợ gốc số tiền 181.362,09 triệu đồng). Các Hợp đồng vay vốn được thực hiện từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 7 năm 2019; Công ty mẹ - Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn khó đòi lũy kế đến ngày 31/12/2024 số tiền 181.362,09 triệu đồng.

Công ty Mẹ - Tập đoàn báo cáo:

Hằng năm, Tập đoàn đã lập bảng kê chi tiết tính lãi vay và đối chiếu công nợ với Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang (Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/01/2024, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/02/2025); Công ty Mẹ - Tập đoàn có nhiều văn bản đôn đốc, yêu cầu Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang thanh toán, có hợp đồng đã được Công ty mẹ - Tập đoàn gia hạn nhiều lần, nhưng Công ty không trả nợ đúng hạn, không thực hiện đúng cam kết, kế hoạch trả nợ cho Tập đoàn.

Nguyên nhân nợ quá hạn của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang do: Nguồn vốn công ty khó khăn, ngân hàng không thực hiện giải ngân đầy đủ để đầu tư như cam kết, mặt khác nguồn vốn chủ sở hữu chỉ dùng cho việc đầu tư trong khi đó Công ty cần nguồn vốn rất lớn để hoạt động kinh doanh thường xuyên (bình quân khoảng 100 tỷ đồng/năm) nên Công ty phải vay ngân hàng để bù đắp nguồn vốn thiếu. Chi phí lãi vay công ty phải trả hàng năm từ 50 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị. Từ năm 2019, Công ty đã vượt qua khó khăn và bắt đầu có lợi nhuận nhưng chi phí lãi vay vẫn còn rất cao, Tập đoàn ngừng trả nợ thay từ tháng 8 năm 2019. Lũy kế đến ngày 30/9/2025,

W ch

Công ty cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang đã trả cho Tập đoàn 76,20 tỷ đồng tiền lãi phát sinh từ khoản Công ty mẹ - Tập đoàn trả nợ thay. Do Công ty có cơ cấu nợ vay trong tổng mức đầu tư cao, nên đang phải ưu tiên nguồn trả nợ vay ngân hàng đúng hạn, Tập đoàn đã và sẽ tiếp tục theo dõi, giám sát để thu hồi hết số tiền còn nợ (cả gốc và lãi) của Công ty. Công ty mẹ - Tập đoàn và Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang hàng năm có tiến hành đối chiếu và ký xác nhận công nợ khi lập báo cáo tài chính.

1.1.3. Đối với khoản trả nợ thay của Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie

Tính đến thời điểm 31/12/2024, căn cứ 32 Hợp đồng vay vốn, trả nợ thay từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016 giữa Công ty mẹ - Tập đoàn và Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie: Tổng số nợ quá hạn thanh toán của Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie là 92.278,24 triệu đồng (nợ gốc); Công ty mẹ - Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn khó đòi lũy kế đến ngày 31/12/2024 số tiền 92.278,24 triệu đồng, dẫn đến khả năng không thu hồi được, dẫn đến nguy cơ mất vốn nhà nước.

Theo báo cáo của Tập đoàn: Do Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie không có khả năng thanh toán và hiện đang thực hiện thủ tục phá sản nên Tập đoàn không thu hồi được khoản công nợ này. Tại Văn bản số 262/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 9/5/2016, Tập đoàn đã phê duyệt chủ trương phá sản Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie. Ngày 14/4/2020, Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đã nộp đơn phá sản đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Theo đề nghị cung cấp bổ sung giấy tờ, tài liệu theo đơn phá sản tại Thông báo 01/TB-TA ngày 21/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, đến ngày 30/7/2020, Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đã nộp bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.

1.1.4. Đối với khoản nợ của Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim

Theo Hợp đồng số 438/HĐ-CSVN ngày 01/3/2016 giữa Tập đoàn (bên cho thuê) và Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ Sao Kim (bên thuê) về việc cho thuê một phần Tòa nhà Trụ sở làm việc của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam tại số 177 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn báo cáo, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim (Công ty Sao Kim) nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tập đoàn có nhiều buổi làm việc, nhiều biên bản làm việc, nhiều văn bản thu hồi nợ tuy nhiên Công ty Sao Kim không thực hiện trách nhiệm của mình. Đối với khoản nợ Công ty Sao Kim chưa thanh toán, Tập đoàn nộp đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và Tòa án đã xét xử sơ thẩm (Bản án số 44/2024/DS-ST ngày 11/9/2024), xét xử phúc thẩm (Bản án số 206/2025/KDTM-PT ngày 08/7/2025) tuyên Công ty Sao Kim phải trả cho Tập đoàn 26.927,52 triệu đồng tiền nợ gốc và 2.478,93 triệu đồng nợ lãi do chậm trả (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024). Tập đoàn đã gửi đơn đề nghị thi hành án và được Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định thi hành án số 10594/QĐ-THADS ngày 27/8/2025; Cơ quan thi hành án đã ban hành Quyết định số 684/QĐ-THADS ngày 30/9/2025 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim. Tập đoàn đã và đang tập trung phối hợp với Cơ quan thi hành án để thu hồi nợ, trong đó

bao gồm việc truy tìm tất cả tài sản cũng như các nguồn lực thuộc sở hữu của Công ty Sao Kim để thi hành án.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số nợ quá hạn thanh toán của Công ty cổ phần Sao Kim là 26.927,52 triệu đồng. Công ty mẹ - Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn khó đòi lũy kế đến ngày 31/12/2024 số tiền 11.988,63 triệu đồng.

1.2. Về quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai

(i) Căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp, khoản phải thu ngắn hạn đến ngày 25/10/2025 của Công ty cổ phần Quasa Geruco và Công ty cổ phần Cao su Việt Lào với tổng số tiền 241.237,03 triệu đồng, cụ thể: Công nợ phải thu của Công ty cổ phần Quasa Geruco số tiền 225.567,49 triệu đồng (từ năm 2012 đến năm 2022); Công nợ phải thu của Công ty cổ phần Cao su Việt Lào số tiền 15.669,54 triệu đồng (từ năm 2018 đến năm 2019). Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai báo cáo: đến ngày 01/12/2025 đã thu hồi hết công nợ phải thu đối với 02 công ty nêu trên với số tiền 241.237,03 triệu đồng.

(ii) Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản nợ phải thu số tiền 53.984,63 triệu đồng và đã hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không đúng quy định số tiền 53.984,63 triệu đồng, cụ thể:

Theo báo cáo của Công ty: Nợ phải thu ngắn hạn từ Công ty cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G Sado đến ngày 31/12/2024 là 53.984.633.144, đây là công nợ phát sinh từ năm 2017 đến năm 2019 của nhiều hợp đồng kinh tế mua bán cao su giữa Tổng Công ty Cao su Đồng Nai với Công ty cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G Sado.

Tổng Công ty Cao su Đồng Nai không lập bảng kê theo dõi số dư công nợ, không đối chiếu công nợ từng hợp đồng kinh tế riêng lẻ, Tổng công ty chỉ đối chiếu tổng số dư công nợ lũy kế của tất cả các hợp đồng kinh tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nợ phải thu ngắn hạn từ Công ty cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G Sado đến 31/12/2024 là 53.984,63 triệu đồng. Năm 2024, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai đã trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn khó đòi số tiền là 53.984,63 triệu đồng (tỷ lệ trích 100% nợ phải thu) và hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp²⁷ do không đủ điều kiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính²⁸.

²⁷ Theo báo cáo của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: Khoản nợ phải thu 53.984.633.144 đồng là công nợ của nhiều hợp đồng kinh tế mua bán cao su giữa Công ty với Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G Sado. Tuy nhiên, Công ty không theo dõi, đối chiếu công nợ đối với từng hợp đồng kinh tế, không đối chiếu công nợ của từng lần phát sinh giao dịch.

²⁸ Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính quy định:

"Điều 6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

1. Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn, đồng thời đảm bảo điều kiện sau:

a) Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

K *cb*

2. Việc hạch toán nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ), hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD)

Theo Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 (đã được kiểm toán) của Tập đoàn, tài sản cố định tại ngày 31/12/2024 là 107.722,03 triệu đồng và 35.337.155,88 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 05). Qua thanh tra thấy:

2.1. Hạch toán thiếu nguyên giá TSCĐ số tiền 28.515,76 triệu đồng, dẫn đến hạch toán thiếu chi phí khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD số tiền 9.495,66 triệu đồng

Qua thanh tra 03 công ty con thuộc Tập đoàn (Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai; Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa; Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa) có hoạt động đầu tư mở rộng, nâng cấp các công trình hiện là TSCĐ của Công ty, nhưng các Công ty không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ, mà hạch toán vào chi phí SXKD trong kỳ là không đúng quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính²⁹ (Chi tiết tại Phụ lục số 06).

2.2. Có 03 Công ty con thuộc Tập đoàn (tại điểm 2.1 nêu trên) phân bổ không đúng chi phí sửa chữa nâng cấp TSCĐ vào chi phí SXKD, dẫn đến hạch toán vào chi phí SXKD tăng không đúng số tiền 11.256,24 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 06).

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản dở dang kéo dài hoặc ngưng đầu tư

3.1. Kiểm tra việc quản lý đầu tư xây dựng một số dự án

Đoàn thanh tra đã kiểm tra hồ sơ pháp lý và quyết định đầu tư, phê duyệt dự án đối với 04 dự án sử dụng vốn chủ sở hữu của Tập đoàn, Công ty và vốn vay (Chi tiết tại Phụ lục số 07), cụ thể như sau:

3.1.1. Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỉnh Gia Lai do Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê làm chủ đầu tư (Dự án)

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;
- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);
- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);
- Bảng kê công nợ;
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có)....”

²⁹ Khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp:

“d) Chi được thay đổi nguyên giá TSCĐ hữu hình trong các trường hợp:

- Đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của Nhà nước;
- Xây lắp, trang bị thêm cho TSCĐ;
- Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng;
- Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra;
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước;
- Tháo dỡ một hoặc một số bộ phận của TSCĐ”.

Khoản 1 điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định: “1. Các chi phí doanh nghiệp chi ra để đầu tư nâng cấp tài sản cố định được phân ánh tăng nguyên giá của TSCĐ đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ”.

K *Ch*

Dự án được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư³⁰, UBND tỉnh Gia Lai thành lập khu công nghiệp Nam Pleiku- Gia Lai³¹, Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê làm chủ đầu tư³², Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đầu tư³³, diện tích đất dự án 191,55 ha³⁴, tổng mức đầu tư 517.553 triệu đồng³⁵ (tổng mức đầu tư sau điều chỉnh 476.616 triệu đồng³⁶). *Qua thanh tra thấy:*

- Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án, tính thiếu số tiền 1.500 triệu đồng theo quy định tại khoản 3, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2014.

- Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê (Chủ đầu tư) phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án chưa đúng quy định³⁷, tăng 58,59 tỷ đồng so với tổng mức đầu tư dự án đã được HĐQT Tập đoàn thỏa thuận.

- Quá trình thực hiện dự án chậm so với tiến độ dự án đã được phê duyệt ban đầu dẫn đến phải gia hạn³⁸. Dự án chưa đáp ứng điều kiện năng lực tài chính để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 (Tập đoàn cam kết bổ sung vốn chủ sở hữu cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án còn thiếu 59,704 tỷ đồng), là một trong những nguyên nhân làm chậm tiến độ hoàn thành dự án.

3.1.2. Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư (Dự án)

Công ty Cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (lần đầu, số 3800565639 ngày 21/5/2009) và thay đổi lần thứ 6 ngày 15/8/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn góp của chủ sở hữu, gồm: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú (51%); Công ty Cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên (40%) và vốn của các cổ đông khác (9%).

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Đồng Phú - Bình Phước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006, điều chỉnh bổ sung tại Văn bản số 575/TTg-KTN ngày 21/4/2008 và được UBND tỉnh Bình Phước thành lập tại Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 27/01/2010, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 23/11/2009, điều chỉnh lần thứ tư

³⁰ Tại Quyết định số 1118/QĐ-TTg ngày 03/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

³¹ Tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Gia Lai.

³² Tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐTVCSVN ngày 17/4/2017 và Văn bản số 243/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 25/4/2017.

³³ Giấy chứng nhận đầu tư số 2685324483, cấp lần đầu ngày 19/9/2019 và điều chỉnh lần thứ hai ngày 18/7/2024.

³⁴ Trong đó: Xã Ia Băng huyện Chư Prông 56,37 ha, xã Ia Tiêm huyện Chư Sê 135,18 ha (hiện nay sau sáp nhập là xã Ia Tôr 56,37 ha; xã Bờ Ngoong 135,18 ha).

³⁵ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1118/QĐ-TTg ngày 03/9/2019.

³⁶ Tại Quyết định số 16/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2020, điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 411/QĐ-HĐTVCSVN ngày 26/12/2022.

³⁷ Tại Điều 8 Quyết định số 495/QĐ-HĐQTCSVN ngày 04/12/2018 của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn về việc phân cấp quyết định đầu tư cho các dự án đầu tư; điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Xây dựng 2014.

³⁸ Tại Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất, theo đó điều chỉnh tiến độ đến tháng 10/2026 dự án phải hoàn thành đưa vào sử dụng.

K Ch

ngày 25/10/2024 với quy mô dự án 189,053 ha. Ngày 10/7/2023, UBND tỉnh Bình Phước có Quyết định số 1123/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú - Khu A và Khu B, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, diện tích sau điều chỉnh là 1.890.533,69m².

Ngày 13/11/2009, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có Quyết định số 78/QĐ-HĐQT phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (điều chỉnh tại Quyết định số 09/QĐ-HĐQT ngày 05/4/2019), diện tích đất sử dụng 184,3ha.

(i) Việc thu hồi và cho thuê đất để thực hiện dự án KCN Bắc Đồng Phú:

- Ngày 26/5/2004, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 524/QĐ-TTg về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng cao su tại các Công ty cao su Đồng Phú, Lộc Ninh, Phú Riềng, Bình Long, tỉnh Bình Phước, cho phép UBND tỉnh Bình Phước chuyển đổi mục đích sử dụng 3.296ha đất trồng cao su thuộc Tổng Công ty cao su Việt Nam sang mục đích phát triển công nghiệp và bố trí khu dân cư, trong đó: Công ty cao su Đồng Phú 700ha, Công ty cao su Phú Riềng 693ha, Công ty cao su Lộc Ninh 389ha, Công ty cao su Bình Long 1.514ha.

- Căn cứ Quyết định (nêu trên) của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 934/QĐ-UB ngày 16/5/2005 thu hồi đất trồng cao su có diện tích 220,62 ha do Công ty cao su Đồng Phú quản lý, sử dụng, giao Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Phước quản lý. Công ty cao su Đồng Phú báo cáo: Công ty không thực hiện bàn giao đất cao su cho UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Phước để quản lý mà vẫn tiếp tục sử dụng vào mục đích trồng cao su cho đến khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư và quyết định của UBND tỉnh Bình Phước thu hồi đất của Công ty cao su Đồng Phú cho doanh nghiệp thuê để thực hiện dự án thì Công ty Cao su Đồng Phú mới thanh lý cao su để bàn giao đất cho doanh nghiệp.

(ii) Việc UBND tỉnh Bình Phước cho Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thuê đất thực hiện Dự án khu công nghiệp Bắc Đồng Phú:

UBND tỉnh Bình Phước có Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 thu hồi đất do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước quản lý, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất cho Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 1.905.500m² (190,055ha); UBND tỉnh Bình Phước có các Quyết định: Quyết định số 1770/QĐ-UBND thu hồi đất của Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 21/6/2011, Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 điều chỉnh diện tích cho thuê đất là 1.890.553,7m² (189,055ha).

Qua thanh tra thấy:

- UBND tỉnh Bình Phước có Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 về cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú với diện tích 1.798.900,2m² để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thời hạn sử dụng đến ngày 23/11/2059. Tuy nhiên, trước đó Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú

Handwritten signature

ký hợp đồng cho 3 công ty thứ cấp thuê lại đất từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 23/11/2059, gồm: Công ty TNHH xăng dầu Phú Lợi (Hợp đồng số 01/HĐ-BDP ngày 01/02/2010); Công ty TNHH Song Phúc (Hợp đồng số 02/HĐ-BDP ngày 31/8/2010) và Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam-VT GAS (Hợp đồng số 01/2010/BĐP-KMN ngày 21/7/2010), số tiền thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê (đến ngày 23/11/2059) 03 công ty đã thanh toán theo hợp đồng là 5.746,6 triệu đồng.

Việc Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú cho 03 công ty thứ cấp thuê lại đất nêu trên là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 84 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; khoản 7 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ.

- UBND tỉnh Bình Phước có quyết định thu hồi đất từ năm 2005 (tại Quyết định số 934/QĐ-UB ngày 16/5/2005 thu hồi đất trồng cao su có diện tích 220,62 ha), tuy nhiên đến thời điểm 21/6/2011 Công ty cổ phần cao su Đồng Phú mới bàn giao đất cho UBND tỉnh Bình Phước, chưa đúng quy định tại Điều 15 và khoản 7 Điều 107 Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

3.1.3. Dự án mở rộng dây chuyền chế biến cốm tạp SVR 10,2 công suất lò sấy 1,5 tấn/giờ, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 620 m³/ngày, đem lên 900 m³/ngày, đem nhà máy chế biến mủ cao su do Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy làm chủ đầu tư (Dự án)

Dự án được Chủ tịch HĐQT Tập đoàn phê duyệt chủ trương đầu tư³⁹ và Tổng Giám đốc Tập đoàn thỏa thuận dự án đầu tư⁴⁰, Dự án được Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy phê duyệt⁴¹, diện tích xây dựng 75.000 m², tổng mức đầu tư 26.307 triệu đồng. *Qua thanh tra thấy:*

- Chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh Dự án trước khi có ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum, chưa đúng quy định pháp luật⁴².

- Dự án không thực hiện lập lại và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường 2014 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Dự án phê duyệt với tổng mức đầu tư 26.307 triệu đồng⁴³. Tuy nhiên, dự toán có khoản chi phí lãi vay vào tổng mức đầu tư chưa đúng quy định pháp luật⁴⁴, làm tăng tổng mức đầu tư 873,905 triệu đồng.

- Chi phí quản lý dự án tính thêm thuế GTGT 10% chưa đúng quy định pháp luật⁴⁵, số tiền 49,339 triệu đồng.

3.1.4. Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy chế biến mủ SVR 10-20 công suất 5.000 tấn/năm Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu (Dự án)

³⁹ Tại Công văn số 648/HĐQTCSVN - KHĐT ngày 07/10/2019 của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn CN Cao su VN.

⁴⁰ Tại Công văn số 939/CSVN-KHĐT ngày 27/3/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

⁴¹ Tại Quyết định số 06/QĐ-HĐQTCSST ngày 31/3/2020.

⁴² Tại khoản 5 Điều 61 Luật Xây dựng 2014; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

⁴³ Tại Quyết định số 06/QĐ-HĐQTCSST ngày 31/3/2020 của Hội đồng quản trị.

⁴⁴ Tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

⁴⁵ Tại Điều 5 Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

h *ch*

Dự án do Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu làm chủ đầu tư, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn thỏa thuận chủ trương đầu tư⁴⁶ và Chủ tịch HĐQT Tập đoàn thỏa thuận dự án đầu tư⁴⁷, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu phê duyệt dự án⁴⁸, diện tích đất 15,45ha, tổng mức đầu tư 54.700 triệu đồng. *Qua thanh tra thấy:*

- Chủ đầu tư (Công ty) phê duyệt dự án trước khi có ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu, chưa đúng quy định pháp luật⁴⁹.

- Chi phí quản lý dự án tính thêm thuế GTGT 10%, chưa đúng quy định⁵⁰, số tiền 93,085 triệu đồng.

3.2. Công tác đấu thầu thực hiện Dự án trồng và chăm sóc cây cao su kiến thiết cơ bản

Qua kiểm tra hồ sơ một số gói thầu mua sắm hàng hóa, vật tư, nguyên liệu, dịch vụ sản xuất thường xuyên và đầu tư vườn cây thấy:

3.2.1. Đối với việc lập, thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT)

- Một số HSMT nêu một số điều kiện không có quy định của pháp luật về đấu thầu có thể làm hạn chế khả năng tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một số nhà thầu gây cạnh tranh không bình đẳng, chưa đúng quy định pháp luật⁵¹.

- HSMT quy định hợp đồng tương tự về giá trị chưa phù hợp Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa (Mẫu 02) Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục số 08)

3.2.2. Đối với việc đánh giá Hồ sơ dự thầu (HSDT)

- Một số gói thầu, đến thời điểm đóng thầu chỉ có 1 hoặc 2 nhà thầu tham dự. Tuy nhiên, trước khi đánh giá HSDT, Tổ chuyên gia không xin ý kiến của Chủ đầu tư về việc xử lý tình huống mà vẫn tiến hành đánh giá là không đúng quy định pháp luật⁵² *(Chi tiết tại Phụ lục số 08)*.

- Kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu HSDT của nhà thầu trúng thầu một số gói thầu còn thiếu tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm hoặc kê khai thiếu số lượng Hợp đồng tương tự theo yêu cầu của HSMT... nhưng không được bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ (bổ sung hồ sơ, tài liệu chứng minh) trước khi đề nghị phê duyệt trúng thầu *(Chi tiết tại Phụ lục số 08)*.

3.2.3. Việc ký hợp đồng và nghiệm thu thanh toán

Kiểm tra gói thầu mua sắm năm 2021 (mua phân hữu cơ bò, khối lượng 711.616kg) thấy: Hợp đồng do Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú ký và nghiệm

⁴⁶ Tại Công văn số 280/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 04/5/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

⁴⁷ Tại Công văn số 346/HĐQTCSVN - KHĐT ngày 28/12/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

⁴⁸ Tại Quyết định số 04/QĐ-HĐQTCSLC ngày 04/01/2019.

⁴⁹ Tại khoản 1 Điều 56, điểm a khoản 3 Điều 57 Luật Xây dựng 2014.

⁵⁰ Tại điểm 3 Mục 1 Phần I Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng.

⁵¹ Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và điểm a khoản 5 Phần I Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017;

⁵² Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 461/QĐ-HĐQTCSVN ngày 20/11/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về Quy chế mua sắm của Tập đoàn; khoản 5 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

le ch

thu thanh toán vượt giá gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁵³ được duyệt (khối lượng phát sinh 25.245kg, giá trị 50,49 triệu đồng), là chưa đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 5 Quyết định số 461/QĐ-HĐQTCSVN của Tập đoàn về mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên.

3.3. Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản dở dang kéo dài hoặc ngưng đầu tư

Theo Báo cáo của Tập đoàn: tính đến hết ngày 31/12/2024, 51 công ty thuộc Tập đoàn có vườn cây cao su trong giai đoạn kiến thiết cơ bản (KTCB), diện tích khoảng 81.324 ha, tương ứng khoảng 7.232,72 tỷ đồng.

Qua thanh tra thấy:

- Diện tích vườn cây KTCB (từ năm 2015 trở về trước) còn đang dở dang kéo dài của 22 công ty là 12.655,14 ha, tương ứng 1.919,37 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 3,32% tổng diện tích cao su toàn Tập đoàn (12.655,14 ha/380.511 ha), chưa đúng quy định tại: Điều 58, Điều 59 Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Diện tích vườn cây cao su KTCB của 09 Công ty là 7.265,86 ha, giá trị 1.179,26 tỷ đồng là những vườn cây ngưng đầu tư, kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác; Tập đoàn và các đơn vị thành viên mặc dù đã có một số giải pháp khắc phục⁵⁴ nhưng chưa triệt để, chưa chuyển đổi mục tiêu sản xuất, chưa đúng quy định tại: Điều 58, Điều 59 Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); khoản 6 Điều 5 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH14 ngày 26/11/2014 của Quốc hội (*Chi tiết tại Phụ lục số 09*).

Qua thanh tra một số dự án vườn cây cao su trong giai đoạn kiến thiết cơ bản tại 02 Công ty thấy:

- Công ty TNHH MTV Cao su Chu Sê: Tính đến ngày 31/12/2024, diện tích cây cao su trồng và khai thác (cả trong nước và nước ngoài) là 23.953,2 ha, trong đó: Diện tích cây cao su KTCB ngưng đầu tư, ít có khả năng khai thác là 1.542 ha, vốn đầu tư đã thực hiện giải ngân là 277,5 tỷ đồng, giá trị đầu tư đã được phê duyệt quyết toán và hạch toán tăng tài sản cố định là 86,41 tỷ đồng (tương ứng diện tích là 633,28 ha), giá trị ngưng đầu tư ít có khả năng khai thác là 191,09 tỷ đồng của 04 dự án tại tiểu khu 964-965 xã Ia Lâu, tiểu khu 955A-959-963 xã Ia Lâu, tiểu khu 963-964-965 xã Ia Lâu và tiểu khu 985-994 xã Ia Mơr thuộc huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (*Chi tiết tại Phụ lục số 10*).

- Công ty TNHH MTV Cao su Chu Păh: Tính đến ngày 31/12/2024, tổng diện tích cao su trồng KTCB và khai thác (cả trong nước và nước ngoài) là 14.089,85 ha, trong đó diện tích ngưng đầu tư, ít có khả năng khai thác là 2.101,26 ha, vốn đầu tư đã thực hiện giải ngân là 313,89 tỷ đồng, giá trị đầu tư đã được phê duyệt quyết toán và hạch toán tăng tài sản cố định là 33,76 tỷ đồng (tương ứng diện tích 243 ha), giá trị ngưng đầu tư ít có khả năng khai thác là 280,13 tỷ đồng

⁵³ Tại Quyết định số 22/QĐ-HĐQTCSDP ngày 24/3/2021 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.

⁵⁴ Tập đoàn báo cáo một số giải pháp khắc phục: trồng cây ngắn ngày xen canh, lập phương án trồng chuối, mía, dứa, dâu tằm... thay thế; nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo điện mặt trời...

n *ch*

(tương ứng diện tích 2.101,26 ha) của 04 dự án trồng mới tại tiểu khu 1000-1005-1006 xã Ia Mor, tiểu khu 1004-1006-1009 xã Ia Mor, tiểu khu 1015-1016 xã Ia Mor, tiểu khu 1009-1015-1016 xã Ia Mor thuộc huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Qua thanh tra thấy: 08 vườn cây cao su KTCB của 02 Công ty nêu trên là những vườn cây ngưng đầu tư, kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác, dẫn đến nguy cơ không bảo toàn được vốn đã đầu tư là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 5, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 48 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; hai công ty báo cáo mặc dù đã có giải pháp khắc phục⁵⁵, nhưng chưa triệt để, để sớm chuyển đổi mục tiêu sản xuất, chưa đúng quy định tại Điều 58, Điều 59 Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Một số nguyên nhân: Việc khảo sát, đánh giá phân tích đất trồng cây cao su chưa đầy đủ số lượng mẫu phân tích theo quy định⁵⁶; việc lựa chọn cây con giống đưa vào trồng mới chưa đúng tỷ lệ cơ cấu giống theo quy định nội bộ của Tập đoàn⁵⁷; hạn hán lịch sử và kéo dài (2014 - 2016), đặc biệt, mùa khô năm 2015 - 2016, các tháng 3, 4 và tháng 5, nhiệt độ không khí cao nhất từ 38 - 40,2°C gây chết ngược cho vườn cây KTCB, ảnh hưởng rất lớn đến vườn cây tại Ia Lâu, Ia Mor (qua trích lục nhiệt độ giai đoạn 2014 - 2016 của Trung Tâm khí tượng thủy văn Quốc gia - Trạm Pleiku, tỉnh Gia Lai)...

4. Việc bàn giao đất về địa phương; diện tích đất bị lấn, chiếm, tranh chấp; sử dụng đất chưa được cấp có thẩm quyền giao, cho thuê

4.1. Việc thực hiện bàn giao đất về địa phương để địa phương quản lý và cho các doanh nghiệp khác thuê để thực hiện dự án

Theo báo cáo của Tập đoàn, trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2024, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất 75 điểm đất với tổng diện tích là 3.811,47 ha (giai đoạn 2011-2017 có quyết định thu hồi 22 điểm đất, diện tích thu hồi 398,89 ha; giai đoạn 2018-2024 có quyết định thu hồi 53 điểm đất, diện tích thu hồi là 3.412,58 ha) của Công ty mẹ, công ty con của Tập đoàn để chuyển mục đích sang kinh doanh, xây dựng nhà ở được địa phương thu hồi giao cho các tổ chức của địa phương và doanh nghiệp khác thực hiện dự án. Đến ngày 31/12/2024, Công ty mẹ, công ty con của Tập đoàn đã bàn giao 70 điểm đất với diện tích 3.225,84 ha; còn 05 điểm đất chưa hoàn thành việc bàn giao đất về địa phương với tổng diện tích 585,63 ha.

Kết quả kiểm tra việc bàn giao một số điểm đất về địa phương: Qua kiểm tra việc bàn giao 15 điểm đất⁵⁸ (thuộc giai đoạn 2018-2024) với tổng diện tích 2.311,46

⁵⁵ Các Công ty báo cáo một số giải pháp khắc phục: trồng cây ngắn ngày xen canh, lập phương án trồng chuối, mía, dứa, đậu tằm... thay thế; nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo điện mặt trời...

⁵⁶ Tại Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2004 của Tập đoàn và Văn bản số 88/SNN-NN ngày 01/02/2010 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

⁵⁷ Tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTVCSVN ngày 29/01/2008 và Quyết định số 322/QĐ-HĐTVCSVN ngày 11/7/2011 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

⁵⁸ Dự án: Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, Cụm công nghiệp An Lập (Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng); Khu công nghiệp Đất Cuốc mở rộng giai đoạn 1, Dự án Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore III (Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa); Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Cụm công nghiệp Tân Tiến 2, Cụm công nghiệp Tiên Hưng 1, Cụm công nghiệp Tân Phú, Khu dân cư Tiên Hưng 1, Khu dân cư Tiên Hưng 2 (Công ty CP Cao su

Handwritten signature/initials

ha, trong đó: có 10 điểm đất (tổng diện tích 1.725,83 ha) đơn vị thành viên của Tập đoàn đã bàn giao về địa phương quản lý; có 05 điểm đất (tổng diện tích 585,63 ha) đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đơn vị thành viên của Tập đoàn chưa hoàn thành việc bàn giao đất về địa phương⁵⁹; các công ty đang quản lý nhưng không sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích theo Quyết định thu hồi đất của địa phương.

Theo quy định của Luật Đất đai:

Tại Điều 15 Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003: “Nhà nước nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm đất đai; không sử dụng, sử dụng đất không đúng mục đích; vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố; hủy hoại đất; không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi sử dụng các quyền của người sử dụng đất; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng đất;...”; tại Khoản 3 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013: “Những hành vi bị nghiêm cấm: ...3. Không sử dụng đất, sử dụng đất không đúng mục đích”.

Tại Điều 31 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024: “Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất: 1. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, ... 7. Bàn giao lại đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật.”

4.2. Diện tích đất bị lấn, chiếm, tranh chấp

Qua kiểm tra 06 Công ty được UBND tỉnh giao, cho thuê sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng bị các tổ chức, cá nhân lấn, chiếm là 1.634,60 ha⁶⁰.

- Khoản 6, Điều 97 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai 2013 về hành vi vi phạm pháp luật về đất đai khi thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai: “6. Vi phạm quy định về quản lý đất do được Nhà nước giao để quản lý bao gồm các hành vi sau: ...c) Để đất bị lấn, ...”.

- Khoản 8, Điều 109 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2024 về hành vi vi phạm pháp luật về đất đai khi thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai: “8. Vi phạm quy định về quản lý đất do được Nhà nước giao để quản lý bao gồm các hành vi sau: ... c) Để đất bị lấn, bị chiếm mà không có biện pháp ngăn chặn; ...”

- Theo quy định tại khoản 01 Điều 64 Luật đất đai 2013: “1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm: đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm; ...”

4.3. Trồng cây cao su trên diện tích đất chưa có quyết định giao, cho thuê đất

Đồng Phú); Đường vào Cụm CN Long Giao và Cụm CN Long Giao, Tổng kho trung chuyển miền Đông 351ha (Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai).

⁵⁹ Gồm: Công ty CP Cao su Phú Riềng: Dự án Khu dân cư Bù Nho diện tích 67,4 ha, Dự án Khu dân cư Long Điền diện tích 74,2 ha (tỉnh Bình Phước, nay là tỉnh Đồng Nai); Công ty CP Tổng công ty Cao su Đồng Nai: Dự án Tổng kho trung chuyển miền Đông diện tích 351,8 ha (tỉnh Đồng Nai); Công ty CP Cao su Đồng Phú: Dự án Khu dân cư Tiên Hưng I diện tích 62,23 ha (tỉnh Bình Phước, nay là tỉnh Đồng Nai); Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng: Dự án Khu nhà ở Nông thôn An Tây diện tích 30 ha (tỉnh Bình Dương, nay là TP. Hồ Chí Minh).

⁶⁰ Gồm: Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: 1.240,96 ha, trong đó UBND tỉnh đã có 16 Quyết định thu hồi 1.158,98 ha Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng: 2,34 ha; Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú: 0,88 ha; Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh: 237,37 ha; Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình: 29,82 ha; Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên: 123,23 ha.

Handwritten signatures

4.3.1. Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng: UBND tỉnh Đắk Nông giao cho Công ty quản lý diện tích 9.417,24 ha đất theo 02 quyết định⁶¹, Công ty chưa được UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định cho thuê đất để sử dụng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, trồng cây cao su; Công ty chưa thực hiện nộp tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước⁶². Trong tổng diện tích Công ty được UBND tỉnh Đắk Nông giao quản lý, với diện tích 9.417,24 ha, Công ty đã sử dụng để trồng cây cao su là 815,8 ha⁶³.

4.3.2. Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh: Công ty nhận bàn giao diện tích đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết, với diện tích 793,13 ha (Chi tiết Phụ lục số 11). Đến thời điểm thanh tra (tháng 10 năm 2025), UBND tỉnh chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan có thẩm quyền, chưa nộp tiền thuê đất với diện tích 793,13 ha nhưng Công ty đã sử dụng để trồng cây cao su và cây keo lai với diện tích 750,32ha, diện tích còn lại đang bị lấn, chiếm là 37,81ha và đã bàn giao trả về địa phương quản lý, sử dụng là 5ha.

4.4. Việc chờ bàn giao đất trả địa phương

Đến thời điểm thanh tra (tháng 10/2025) có 03 Công ty có diện tích đất chờ bàn giao trả địa phương là 388,92 ha (gồm: Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: 58,23 ha, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng: 54,17 ha, Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa: 276,52 ha)⁶⁴, UBND các tỉnh đã có các Quyết định thu hồi đất của các công ty thuộc Tập đoàn nhưng chưa thực hiện các thủ tục tiếp nhận về địa phương vẫn để các công ty quản lý nhưng không sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích theo quyết định thu hồi đất của địa phương.

Theo quy định của Luật Đất đai:

Tại Điều 15 Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003: "Nhà nước nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm đất đai; không sử dụng, sử dụng đất không đúng mục

⁶¹ Gồm: Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 14/05/2007 và Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 25/02/2008.

⁶² Công ty báo cáo: Từ khi được UBND tỉnh Đắk Nông giao quản lý diện tích đất trên, Công ty đã nhiều lần lập hồ sơ, thủ tục xin thuê đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để được ký hợp đồng thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay ngày 03/10/2025, mặc dù Công ty đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định nhưng chưa được UBND tỉnh cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất. Vì vậy công ty chưa ký hợp đồng thuê đất, chưa nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

⁶³ Gồm: năm 2008: 19,2ha, năm 2009: 67,32ha, năm 2010: 222,76ha, năm 2011: 253,37ha, năm 2012: 23,68ha, năm 2013: 157,83ha, năm 2014: 71,64ha), trong đó: Trồng cây cao su với diện tích 233,7ha trên diện tích đất được UBND tỉnh Đắk Nông giao cho Công ty quản lý tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 25/02/2008; Việc Công ty trồng cây cao su thực hiện theo Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt dự án đầu tư trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Phú Riềng - Đắk Nông; Trồng cây cao su với diện tích 582,1ha trên diện tích đất được UBND tỉnh Đắk Nông giao cho Công ty quản lý tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 14/5/2008 và Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 25/02/2008.

Diện tích 815,8 ha Công ty đã trồng cây cao su thuộc quyết định giao đất của UBND tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 25/02/2008 và Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 14/5/2008 nằm trong diện tích 983,87ha đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng, trong tổng diện tích Công ty được UBND tỉnh Đắk Nông giao quản lý, với diện tích 9.417,24 ha tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 14/05/2007 và Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 25/02/2008, đến thời điểm thanh tra 03/10/2025 Công ty còn đang được giao quản lý với diện tích 973,09ha, diện tích còn lại 8.688,88 ha Công ty đã bàn giao trả địa phương.

⁶⁴ Gồm: Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: có 05 Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Đồng Nai Công ty đã thực hiện các thủ tục để bàn giao nhưng chưa bàn giao trả địa phương là 58,23 ha; Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng: có 02 Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Bình Dương, Công ty đã thực hiện các thủ tục để bàn giao nhưng chưa bàn giao trả địa phương là 54,17 ha; Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa: có 02 Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Công ty đã thực hiện các thủ tục để bàn giao nhưng chưa bàn giao trả địa phương là 276,52 ha.

m ch

đích; vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố; hủy hoại đất; không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi sử dụng các quyền của người sử dụng đất; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng đất;..."; tại Khoản 3 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013: "Những hành vi bị nghiêm cấm: ...3. Không sử dụng đất, sử dụng đất không đúng mục đích".

Tại Điều 31 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024: "Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất: 1. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, ... 7. Bàn giao lại đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật."

5. Việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn

Về tình hình đầu tư tài chính dài hạn theo Báo cáo tài chính hợp nhất (đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập) của Tập đoàn tại thời điểm 31/12 hàng năm trong giai đoạn 2018 - 2024 theo số liệu tại Phụ lục số 12.

Về tình hình đầu tư tài chính dài hạn (theo báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập) của 06 doanh nghiệp được chọn thanh tra ngẫu nhiên⁶⁵, tổng giá trị đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12 hàng năm trong giai đoạn 2018 - 2024 theo số liệu tại Phụ lục số 13.

5.1. Tình hình đầu tư tài chính dài hạn và hiệu quả đầu tư

5.1.1. Tình hình đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ - Tập đoàn và 05 đơn vị thành viên được thanh tra

Về tình hình đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ - Tập đoàn (theo báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán), giá trị đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12 hàng năm trong giai đoạn 2018 - 2024 theo số liệu tại Phụ lục số 14.

a. Công ty mẹ - Tập đoàn: Theo Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn (đã được kiểm toán): Đầu tư tài chính theo giá trị sổ sách của Công ty mẹ - Tập đoàn tại thời điểm 31/12 trong giai đoạn 2018 - 2024 duy trì trong khoảng 37.276 tỷ đồng đến 37.426 tỷ đồng, (bình quân đạt khoảng 37.345 tỷ đồng), chiếm trên 90% vốn đầu tư của chủ sở hữu. Cơ cấu đầu tư chủ yếu tập trung vào các công ty con (khoảng 84-85%) và các công ty liên kết (khoảng 15%). Lợi nhuận/cổ tức thu được từ hoạt động đầu tư tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn trong giai đoạn này có sự biến động, trong khoảng 1.521 tỷ đồng/năm đến 3.876 tỷ đồng/năm, (bình quân đạt khoảng 2.456 tỷ đồng/năm), tương ứng 6,6%/năm so với tổng giá trị đầu tư tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng giá trị đầu tư dài hạn ghi sổ kế toán của Công ty mẹ - Tập đoàn đạt 37.356 tỷ đồng (chiếm 93,39% vốn đầu tư của chủ sở hữu), trong đó đầu tư vào công ty con chiếm khoảng 84,06%, công ty liên kết chiếm 15,39%, và đầu tư dài hạn khác chiếm 0,55%; lợi nhuận/cổ tức từ đầu tư tài chính đạt 2.152 tỷ đồng (5,93%). Tuy nhiên, vẫn còn 15 Công ty con và 04 Công ty liên kết có vốn cổ phần/vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn có kết quả SXKD lỗ hoặc lỗ lũy kế, phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 1.075 tỷ đồng (theo báo cáo của Tập đoàn 351,33 tỷ đồng trích lập dự phòng do ảnh hưởng của

⁶⁵ Gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

K *Ch*

đồng Lak của Lào mất giá làm suy giảm giá trị đầu tư tài chính), tương đương khoảng 2,87% tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ - Tập đoàn.

b. Tại 05 đơn vị thành viên của Tập đoàn được thanh tra:

Về tình hình đầu tư tài chính dài hạn của của 05 đơn vị⁶⁶ (theo báo cáo tài chính riêng giai đoạn 2018 - 2024 đã được kiểm toán), giá trị đầu tư tài chính ghi sổ kế toán tại thời điểm 31/12 hàng năm theo số liệu tại Phụ lục số 14.

Đầu tư tài chính theo giá trị sổ sách của 05 đơn vị thành viên chọn ngẫu nhiên thanh tra tại thời điểm 31/12 trong giai đoạn 2018 - 2024 duy trì trong khoảng 5.585.552 triệu đồng đến 6.040.217 triệu đồng, trong đó chủ yếu là đầu tư vào các công ty con (khoảng 67% tổng vốn đầu tư) và công ty liên kết (khoảng 31% tổng vốn đầu tư). Lợi nhuận/cổ tức bình quân từ đầu tư tài chính của 05 đơn vị thành viên trong giai đoạn 2018 - 2024 có sự biến động (trong khoảng 306.251,61 triệu đồng/năm đến 405.459,45 triệu đồng/năm) bình quân giai đoạn là 360.693,59 triệu đồng/năm. Tại thời điểm 31/12/2024 có 07 công ty con do các đơn vị thành viên của Tập đoàn có vốn đầu tư/cổ phần có kết quả sản xuất kinh doanh lỗ/lỗ lũy kế phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 487.644,48 triệu đồng, bằng khoảng 7,9% tổng số vốn 05 đơn vị thành viên đã đầu tư.

5.1.2. Đánh giá chung hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn và 05 đơn vị được thanh tra

Giai đoạn 2018-2024, Công ty mẹ - Tập đoàn và các đơn vị thành viên duy trì danh mục đầu tư tài chính lớn, chủ yếu vào công ty con và công ty liên kết.

Lợi nhuận và cổ tức ghi nhận hàng năm từ hoạt động đầu tư tài chính có sự biến động, tỷ suất lợi nhuận/tổng vốn đầu tư từ 2018 đến 2024 chưa cao, biến động trong khoảng 4,21% - 7,6% cho thấy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chưa tối ưu so với quy mô vốn thực hiện đầu tư của Công ty mẹ - Tập đoàn/các đơn vị thành viên. Lợi nhuận và cổ tức chủ yếu thu được từ nhóm các công ty con do Công ty mẹ - Tập đoàn/đơn vị thành viên sở hữu 100% vốn điều lệ và nhóm công ty con do Công ty mẹ - Tập đoàn/đơn vị thành viên sở hữu trên 50% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tồn tại tình trạng một số công ty con do Công ty mẹ Tập đoàn/đơn vị thành viên sở hữu 100% vốn điều lệ; công ty con do Công ty mẹ - Tập đoàn/đơn vị thành viên sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ/lỗ lũy kế nhiều năm, tại thời điểm 31/12/2024, 06 đơn vị chọn ngẫu nhiên thanh tra phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với các khoản đầu tư tài chính vào công ty con vẫn ở mức cao là 1.083.541,58 triệu đồng cho thấy một số khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn/các công ty thuộc Tập đoàn vào một số công ty con chưa bảo đảm yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp⁶⁷, chưa

⁶⁶ Gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

⁶⁷ Khoản 6 Điều 5 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định: "6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; phòng, chống dàn trải, lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước và doanh nghiệp."

Handwritten signature

đạt được hiệu quả như mục tiêu đề ra, tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm giá trị vốn đầu tư của Tập đoàn/các công ty thuộc Tập đoàn, tiềm ẩn rủi ro mất vốn nhà nước nếu không được kịp thời rà soát, đánh giá và có biện pháp xử lý phù hợp.

(Chi tiết tại Phụ lục số 15 & Phụ lục số 16)

5.2. Một số khoản đầu tư vào công ty con có kết quả sản xuất kinh doanh lỗ/lỗ lũy kế, tiềm ẩn rủi ro

5.2.1. Các công ty con do Công ty mẹ - Tập đoàn và 05 đơn vị thành viên đầu tư cổ phần/góp vốn có kết quả sản xuất kinh doanh lỗ/lỗ lũy kế, tiềm ẩn rủi ro

Tại thời điểm 31/12/2024, theo báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) của các đơn vị, Công ty mẹ - Tập đoàn và 05 đơn vị thành viên trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con với số tiền là 1.083.541,58 triệu đồng⁶⁸.

(Chi tiết tại Phụ lục số 15)

5.2.2. Nguyên nhân các công ty con hoạt động SXKD lỗ/lỗ lũy kế

Theo báo cáo của Tập đoàn, nguyên nhân các công ty con hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ/lỗ lũy kế do đặc điểm của hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chịu nhiều tác động bất lợi từ địa hình, thổ nhưỡng và khí hậu khắc nghiệt, đặc biệt tại khu vực miền núi phía Bắc và miền Trung, thường xuyên xảy ra rét đậm, rét hại, mưa bão, lũ ống và lũ quét. Việc phát triển diện tích trồng cao su tại các khu vực này không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế mà còn góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an sinh xã hội và tạo việc làm ổn định cho khoảng 15.000 lao động, trong đó có 7.871 người là đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần ổn định, nâng cao đời sống. Bên cạnh đó, việc mở rộng trồng cao su sang Lào và Campuchia còn có ý nghĩa tăng cường hợp tác quốc tế, tạo việc làm cho cả lao động Việt Nam lẫn người dân sở tại,... Không ít doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp, trong đó có doanh nghiệp trồng cao su gặp rất nhiều khó khăn, có kết quả không tốt do các nguyên nhân sau:

a. Nguyên nhân khách quan: (i) ảnh hưởng bất lợi của thiên tai, dịch bệnh, địa hình, thổ nhưỡng (ii) ảnh hưởng bởi chênh lệch tỉ giá (đồng LAK của Lào mất giá sâu so với đồng USD và VND); (iii) các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh tăng; (iv) nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm cao su trên thị trường giảm; (v) giá cao su giảm trên thị trường thế giới giảm.

b. Nguyên nhân chủ quan: (i) Năng suất lao động của các Công ty phần lớn còn thấp; (ii) Công nghệ sản xuất lạc hậu; (iii) Công tác quản lý yếu, kém; (iv) Bị động trong công tác dự báo thị trường và xây dựng kế hoạch; (v) Bộ máy tổ chức các đơn vị cồng kềnh, kém hiệu quả; (vi) Chi phí tài chính lớn.

(Chi tiết tại Phụ lục số 16)

5.3. Một số tổn tại phát hiện qua thanh tra

⁶⁸ Trong đó: Công ty mẹ - Tập đoàn trích lập dự phòng tổn thất số tiền 971.413,46 triệu đồng đối với 15 khoản đầu tư vào các công ty con; Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đông Nai trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư với số tiền là 55.381,68 triệu đồng đối với 03 khoản đầu tư vào các công ty con; Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư với số tiền là 8.075,13 triệu đồng đối với 01 khoản đầu tư vào công ty con; Công ty CP cao su Đông Phú trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư với số tiền là 41.280,7 triệu đồng đối với 01 khoản đầu tư vào công ty con; Công ty CP cao su Phước Hòa trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư với số tiền là 7.390,6 triệu đồng đối với 01 khoản đầu tư vào công ty con.

[Handwritten signatures]

5.3.1. Về thực hiện góp vốn/cổ phần đầu tư tại công ty con

- Có 06/06 doanh nghiệp được thanh tra thực hiện đầu tư góp vốn, mua cổ phần tại công ty con không thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp về công ty mẹ, công ty con, sở hữu chéo giữa các công ty trong nhóm công ty, gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

Việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp tại Công ty mẹ - Tập đoàn và các Công ty nêu trên không tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014⁶⁹; Luật Doanh nghiệp năm 2020⁷⁰; Nghị định số 47/2021/NĐ-CP⁷¹ ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.

- Có 06/06 đơn vị được thanh tra thực hiện góp vốn/mua cổ phần cùng Công ty mẹ - Tập đoàn để thành lập doanh nghiệp khác, gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú.

(Chi tiết tại Phụ lục số 17)

Việc công ty mẹ - Tập đoàn cùng các công ty con của Tập đoàn góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp chưa đúng quy định tại Quyết định số 2985/QĐ-BTC⁷² ngày 09/12/2011 của Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

5.3.2. Về thực hiện giám sát chặt chẽ/giám sát đặc biệt đối với một số công ty con có dấu hiệu mất an toàn tài chính

Qua kiểm tra, có 05/06 đơn vị được thanh tra không thực hiện giám sát chặt chẽ/giám sát đặc biệt đối với một số công ty con có dấu hiệu mất an toàn tài chính,

⁶⁹ + Khoản 2, Khoản 3 Điều 189 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “2. Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau; 3. Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.”

+ Điểm b Khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “b) Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ vốn điều lệ phải thực hiện tái cơ cấu để bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 189 của Luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2017;”

⁷⁰ + Khoản 2, Khoản 3 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 quy định: “2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau; 3. Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật này.”

⁷¹ Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp: “1. Việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 195 Luật Doanh nghiệp bao gồm trường hợp sau: a) Cùng góp vốn để thành lập doanh nghiệp mới, b) Cùng mua phần vốn góp, mua cổ phần của doanh nghiệp đã thành lập, c) Cùng nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các thành viên, cổ đông của doanh nghiệp đã thành lập; 2. Doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn Nhà nước theo khoản 3 Điều 195 Luật Doanh nghiệp là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ từ 65% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.”

⁷² Điểm 3.4 khoản 3 Điều 10 Quyết định số 2985/QĐ-BTC ngày 09/12/2011 của Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam quy định: “3.4. Công ty con, công ty hạch toán phụ thuộc Tập đoàn không được góp vốn cùng Tập đoàn để thành lập doanh nghiệp mới, không được góp vốn mua cổ phần khi cổ phần hóa đơn vị trong cùng Tập đoàn...”

K Ch

gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú.

(Chi tiết tại Phụ lục số 18)

Việc Công ty mẹ - Tập đoàn và các Công ty thuộc Tập đoàn (chọn ngẫu nhiên kiểm tra nêu trên) không thực hiện giám sát tài chính chặt chẽ/giám sát tài chính đặc biệt đối với các công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính (nêu trên) là chưa phù hợp với quy định tại: Điều 13 Quyết định số 466/QĐ-HĐQTCSVN ngày 21/11/2018 ban hành Quy chế thực hiện giám sát tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Điều 12 Quyết định số 379/QĐ-HĐQTCSVN ngày 11/9/2020 và Điều 14 Quyết định số 82/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/4/2023 của HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành Quy chế Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Tập đoàn và doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn⁷³.

5.3.3. Về xây dựng kế hoạch giám sát tài chính đối với các công ty con có vốn đầu tư của tập đoàn/các đơn vị thuộc Tập đoàn giai đoạn 2018 - 2024

Công ty mẹ - Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng không lập kế hoạch giám sát tài chính đối với các công ty con có cổ phần/vốn đầu tư trong giai đoạn 2018 - 2022; Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú không lập kế hoạch giám sát tài chính đối với các công ty con có vốn đầu tư trong giai đoạn 2018 - 2024. Việc các công ty nêu trên không lập kế hoạch giám sát tài chính đối với các công ty con là không thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị Tập đoàn ban hành Quy chế thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận của Tập đoàn và các đơn vị thành viên Tập đoàn⁷⁴.

5.3.4. Về thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp và tái cơ cấu các khoản đầu tư đến hết năm 2025

Ngày 22/12/2023, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có Công văn số 2833/UBQLV-NN về việc thông qua Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - CTCP đến hết năm 2025 (Đề án), đến thời điểm 31/12/2024 các nội dung tái cơ cấu về tài chính thuộc Đề án vẫn đang trong giai

⁷³ - Điều 13 Quyết định số 466/QĐ-HĐQTCSVN quy định: "Các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính thực hiện các nội dung giám sát chặt chẽ, đặc biệt theo quy định tại Mục 4 Chương III Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và báo cáo theo biểu mẫu như đối với các doanh nghiệp khác được quy định tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC."

- Điều 12 Quyết định số 379/QĐ-HĐQTCSVN và Điều 14 Quyết định số 82/QĐ-HĐQTCSVN quy định: "- Các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính thực hiện các nội dung giám sát đặc biệt theo quy định tại Mục 4 Chương III Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và báo cáo theo biểu mẫu như đối với các doanh nghiệp khác được quy định tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC."

- Các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính thực hiện các nội dung giám sát chặt chẽ khi các chỉ tiêu giám sát chưa đủ điều kiện theo quy định về giám sát đặc biệt tại Mục 4 Chương III Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và báo cáo theo biểu mẫu như đối với các doanh nghiệp khác được quy định tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC."

⁷⁴ Điều 6 Quyết định số 466/QĐ-HĐQTCSVN ngày 21/11/2018; Điều 6 Quyết định số 379/QĐ-HĐQTCSVN ngày 11/9/2020; Điều 7 Quyết định số 82/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/4/2023 của Tập đoàn quy định: "Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Tập đoàn lập kế hoạch giám sát tài chính (bao gồm kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tài chính đối với các đơn vị thành viên theo quy định tại Điểm d, khoản 1, Điều 12, Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ)".

Se ch

đoạn triển khai thực hiện. Ngày 20/12/2024, Tập đoàn có Công văn số 3796/BC-CSVN gửi Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP.

Tuy nhiên, đến thời điểm 28/10/2025 một số nội dung, mục tiêu tái cơ cấu tài chính thuộc Đề án vẫn chưa được Tập đoàn thực hiện theo tiến độ, kế hoạch, cụ thể: (i) Chưa thực hiện chuyển đổi 03 đơn vị gồm: Tạp chí Cao su Việt Nam, Trung tâm Y tế Cao su, Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, phù hợp với loại hình, tình hình hoạt động của từng đơn vị; (ii) Chưa thực hiện chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty mẹ Tập đoàn tại Công ty cổ phần TMDV và Du lịch Cao su và 07 doanh nghiệp Tập đoàn không nắm cổ phần chi phối; (iii) Chưa thực hiện việc giải thể Xí nghiệp Liên doanh Visorutex theo quy định tại điểm d Mục 6; (iv) Chưa thực hiện việc sáp nhập Công ty TNHH VRG Oudomxay vào Công ty cổ phần Quasa Geruco, Công ty TNHH MTV Cao su Quavan vào Công ty TNHH Cao su Việt Lào.

IV. Việc quản lý doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

1. Việc quản lý doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa:

- Hạch toán khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không đúng quy định số tiền 1.853,9 triệu đồng. Năm 2024 Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Cao su Việt Lào số tiền 1.853,9 triệu đồng trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty cổ phần Cao su Việt Lào là chưa đúng quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 của Bộ Tài chính⁷⁵.

- Hạch toán vào chi phí SXKD tăng không đúng quy định số tiền 378,85 triệu đồng theo quy định của pháp luật⁷⁶, cụ thể: 04 công trình mở rộng, nâng cấp đủ điều kiện hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ số tiền 1.859,98 triệu đồng; Công ty phải hạch toán tăng chi phí khấu hao TSCĐ số tiền 742,23 triệu đồng và hạch toán giảm chi phí phân bổ không đúng quy định số tiền 1.121,09 triệu đồng. Dẫn đến Công ty hạch toán vào chi phí SXKD trong kỳ tăng không đúng là 378,85 triệu đồng, dẫn đến thiếu thuế TNDN phải nộp 75,77 triệu đồng (378,85tr.đ x 20%), lợi nhuận thực hiện tăng thêm: 303,08 triệu đồng (378,85tr.đ - 75,77tr.đ).

1.2. Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đông Nai:

⁷⁵ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 của Bộ Tài chính quy định:

+ Khoản 1 Điều 1: "1. Thông tư này hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, ... làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định".

+ Khoản 2 Điều 5: "Điều 5. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư: 2. Các khoản đầu tư khác:

a) Đối tượng: là các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế trong nước, không phải các khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

b) Mức trích lập: Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn, doanh nghiệp góp vốn xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư như sau: ..."

⁷⁶ Khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Handwritten initials/signature

- Thu nhập chịu thuế TNDN tăng thêm qua thanh tra số tiền 63.868,26 triệu đồng, cụ thể:

+ Công ty hạch toán vào chi phí SXKD tăng số tiền 9.883,62 triệu đồng không đúng theo quy định pháp luật⁷⁷, cụ thể: 25 công trình mở rộng, nâng cấp đủ điều kiện hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ số tiền 21.519,78 triệu đồng; Công ty phải hạch toán tăng chi phí khấu hao TSCĐ số tiền 5.892,27 triệu đồng và hạch toán giảm chi phí phân bổ không đúng quy định số tiền 15.775,9 triệu đồng. Dẫn đến Công ty hạch toán vào chi phí SXKD trong kỳ tăng không đúng là 9.883,62 triệu đồng và thiếu thuế TNDN phải nộp là 1.976,72 triệu đồng ($9.883,62 \text{ tr.đ} \times 20\%$), lợi nhuận tăng thực hiện tăng thêm 7.906,9 triệu đồng ($9.883,62 \text{ tr.đ} - 1.976,72 \text{ tr.đ}$).

+ Công ty hạch toán khoản trích dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không đúng quy định số tiền 53.984,63 triệu đồng, dẫn đến làm giảm lợi nhuận trước thuế TNDN tương ứng số tiền 53.984,63 triệu đồng, dẫn đến thiếu thuế TNDN phải nộp là 10.796,92 triệu đồng ($53.984,63 \text{ tr.đ} \times 20\%$).

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai, năm 2024 hạch toán thiếu doanh thu tài chính đối với cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thống Nhất số tiền 5.915,52 triệu đồng, dẫn đến hạch toán thiếu lợi nhuận sau thuế TNDN số tiền 5.915,52 triệu đồng.

+ Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai, tại thời điểm 31/12/2024 Công ty có khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thống Nhất giá trị đầu tư là 48.139,15 triệu đồng, chiếm 36,07% vốn điều lệ.

+ Ngày 02/12/2024, Công ty cổ phần Thống Nhất có Thông báo số 67/TB-HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024, thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2024 bằng tiền là ngày 27/12/2024. Theo thông báo, tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai là 5.915,52 triệu đồng. Kiểm tra thấy, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai chưa hạch toán vào doanh thu tài chính của năm 2024 đối với số cổ tức được nhận theo Thông báo số 67/TB-HĐQT của Công ty cổ phần Thống Nhất là chưa đúng quy định pháp luật⁷⁸.

⁷⁷ Khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và khoản 1 Điều 77 Thông tư 45/2013/TT-BC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

⁷⁸ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015:

Điều 5. Yêu cầu kế toán: "1. *Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và chứng từ kế toán, số kế toán và báo cáo tài chính*".

Điều 6. Nguyên tắc kế toán: "3. *Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh*".

- Điều a Khoản 1, điểm a Khoản 3, Điều 80 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp quy định về ghi nhận doanh thu tài chính như sau:

Điều 80. Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính "1. *Nguyên tắc kế toán: a) Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm: Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;... 3. Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu: a) Phản ánh doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền phát sinh trong kỳ từ hoạt động góp vốn đầu tư: Khi nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư, ghi nhận khoản doanh thu tài chính*".

ke *cha*

1.3. Công ty CP Cao su Phước Hòa

Công ty hạch toán vào chi phí SXKD tăng số tiền 993,75 triệu đồng không đúng quy định pháp luật⁷⁹, cụ thể: 09 công trình mở rộng, nâng cấp đủ điều kiện hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ số tiền 5.135,99 triệu đồng. Công ty phải hạch toán tăng chi phí khấu hao TSCĐ số tiền 2.861,15 triệu đồng và hạch toán giảm chi phí phân bổ không đúng quy định số tiền 3.854.90 triệu đồng. Dẫn đến, Công ty hạch toán vào chi phí SXKD trong kỳ tăng không đúng số tiền 993,75 triệu đồng và thiếu thuế TNDN phải nộp 198,75 triệu đồng (993,75tr.đ x 20%), lợi nhuận tăng thực hiện tăng thêm 795 triệu đồng (993,75tr.đ - 198,75tr.đ).

2. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

2.1. Việc thực hiện kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú thực hiện kê khai sản phẩm nước thô thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, tổng giá trị nước bán ra là 9.977,48 triệu đồng, không đúng quy định tại Điều 5 "Đối tượng không chịu thuế" và Điều 8 "Thuế suất" của Luật thuế GTGT 13/2008/QH12 và Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Hoạt động bán nước từ Hồ Suối Giai của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú cho Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Nochy - Chi nhánh Bình Phước và Công ty TNHH Nông nghiệp Huy Thắng, thuộc đối tượng phải kê khai thuế suất thuế GTGT. Do đó, Công ty cổ phần cao su Đồng Phú phải thực hiện kê khai, nộp bổ sung Thuế GTGT vào ngân sách nhà nước theo quy định đối với hoạt động này.

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Kê khai nộp bổ sung vào NSNN số tiền 13.418,95 triệu đồng (chi tiết nêu tại khoản 1 mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra), bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: 12.773,65 triệu đồng:
 - + Kê khai nộp bổ sung thuế TNDN 10.796,92 triệu đồng, thuế TNDN đối với khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi không đúng quy định.
 - + Kê khai nộp bổ sung thuế TNDN 1.976,72 triệu đồng, do hạch toán giảm chi phí SXKD và tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN 9.883,62 triệu đồng.
- Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa: 446,55 triệu đồng:
 - + Kê khai nộp bổ sung thuế TNDN 75,77 triệu đồng, do hạch toán giảm chi phí SXKD và tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN 378,85 triệu đồng.
 - + Kê khai nộp bổ sung thuế TNDN 370,78 triệu đồng, do trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn không đúng quy định.
- Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa: Kê khai nộp bổ sung thuế TNDN 198,75 triệu đồng, do hạch toán giảm chi phí SXKD và tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN 993,75 triệu đồng.

⁷⁹ Khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Handwritten signature

2.3. Việc nộp tiền thuê đất và miễn/tạm miễn tiền thuê đất

2.3.1. Chưa nộp tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước

Qua thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước về tiền thuê đất từ năm 2018 đến tháng 10/2025 của 10 Công ty⁸⁰ thuộc Tập đoàn thấy:

- Số tiền thuê đất 10 Công ty báo cáo Đoàn thanh tra đã nộp ngân sách nhà nước từ năm 2018 - 2025 theo thông báo của Cơ quan Thuế là 3.614.927,07 triệu đồng (Thông báo của Cơ quan Thuế chỉ có tổng số tiền thuê đất phải nộp và diện tích đất thuê, không có đơn giá chi tiết theo từng thửa đất).

- Số tiền thuê đất miễn, giảm từ năm 2018 – 2025 của 10 Công ty báo cáo Đoàn thanh tra theo thông báo/quyết định miễn/giảm của Cơ quan Thuế là 899.858,91 triệu đồng.

- Số tiền thuê đất (tạm tính) phải nộp ngân sách nhà nước từ năm 2018 - 2025 các Công ty xác định và báo cáo Đoàn thanh tra là 5.469.382,49 triệu đồng (trong đó bao gồm tiền thuê đất của diện tích đất đường lô trồng cây cao su và diện tích đất khác thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định pháp luật, với số tiền các Công ty tạm tính và báo cáo Đoàn thanh tra là 107.231,63 triệu đồng (tương ứng với diện tích đất các Công ty báo cáo Đoàn thanh tra là 2.912 ha). Các Công ty báo cáo số tiền thuê đất tạm tính Công ty xác định trên cơ sở: (i) Diện tích thực tế Công ty được địa phương cho thuê đất theo quyết định của UBND tỉnh (sau khi đã trừ đi diện tích đất thu hồi về địa phương theo quyết định thu hồi của UBND tỉnh); (ii) Đơn giá thuê đất tính theo đơn giá tại Hợp đồng thuê đất hoặc tạm tính theo giá đất tính thu tiền thuê đất tại Bảng giá đất của tỉnh ở từng giai đoạn 2018 - 2025 sau khi điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất của UBND tỉnh (trường hợp đơn giá tại Hợp đồng thuê đất đã hết hiệu lực); (iii) Điều 4, Điều 9 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Như vậy: Số tiền thuê đất từ năm 2018 đến tháng 10/2025 các Công ty còn phải nộp ngân sách nhà nước (tạm tính) là 894.029,07 triệu đồng (5.469.382,49tr.đ - 3.614.927,07tr.đ - 899.858,91tr.đ), trong đó bao gồm tiền thuê đất của diện tích đất đường lô trồng cây cao su và diện tích đất khác thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định pháp luật nhưng chưa kê khai, chưa nộp ngân sách nhà nước là 107.231,63 triệu đồng, nguyên nhân do: (i) các Công ty nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cơ quan Thuế, mà Thông báo nộp tiền thuê đất của Cơ quan Thuế trên cơ sở diện tích cho thuê theo quyết định của UBND tỉnh, chưa điều chỉnh giảm diện tích đã thu hồi theo các quyết định của UBND tỉnh; (ii) đơn giá xác định theo đơn giá tại Hợp đồng thuê đất, chưa điều chỉnh theo đơn giá mới tại Bảng giá đất của tỉnh ở từng giai đoạn 2018 - 2025 (trong trường hợp đơn giá trên Hợp đồng thuê đất đã hết hiệu lực); (iii) Từ năm 2018 đến năm 2025, có 07 Công ty chưa thực hiện nộp ngân sách

⁸⁰ Chi tiết tại Phụ lục số 19

h *ch*

nhà nước và Cơ quan Thuế không Thông báo nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đường lô trồng cây cao su, diện tích đất khác thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định pháp luật, với số tiền tạm tính là 107.231,63 triệu đồng;...

(Chi tiết tại Phụ lục số 19)

Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam báo cáo: Trong số tiền thuê đất các Công ty chưa nộp ngân sách nhà nước 894.029,07 triệu đồng nêu trên, đến ngày 18/12/2025 các công ty thuộc Tập đoàn đã nộp vào ngân sách nhà nước là 269.399,41 triệu đồng trên cơ sở Thông báo nộp tiền thuê đất của Cơ quan Thuế.

2.3.2. Việc miễn/tạm miễn tiền thuê đất đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh theo Công văn số 243/TTg-KTN ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Tại Công văn số 243/TTg-KTN ngày 05/02/2016, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản như sau: “1. Đồng ý thực hiện việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản từ năm 2015 đến năm 2020; 2. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn địa phương thực hiện việc miễn tiền thuê đất nêu trên theo quy định”.

Tại Công văn số 9549/BTC-QLCS ngày 12/7/2016, Bộ Tài chính hướng dẫn về việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất trồng cây cao su tái canh như sau: “...3. Thủ tục giải quyết: Hồ sơ, thủ tục giải quyết miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành như đối với các trường hợp miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản vườn cây...”.

Căn cứ Công văn của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính nêu trên, Công ty thuộc Tập đoàn có Văn bản gửi Cơ quan Thuế đề nghị miễn tiền thuê đất đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh và cơ quan Thuế ban hành thông báo, quyết định cho được miễn/tạm miễn tiền thuê đất; tuy nhiên kiểm tra hồ sơ, tài liệu các công ty thuộc Tập đoàn báo cáo Đoàn thanh tra về miễn/tạm miễn tiền thuê đất đối với một số diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh thấy chưa đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, cụ thể như sau:

- Sau ngày 01/01/2017, 06 công ty nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh và cơ quan Thuế cho công ty được miễn tiền thuê đất cả thời gian trước thời điểm nộp đủ hồ sơ, chưa đảm bảo theo thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 8 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: “16...; người thuê đất phải nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục miễn,

u c

giảm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, quá thời hạn này người thuê đất mới nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất thì chỉ được xét miễn tiền thuê đất cho thời gian còn lại (nếu có) tính từ thời điểm nộp hồ sơ theo quy định”.

- Hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của 07 Công ty cung cấp cho Đoàn thanh tra chưa có văn bản, tài liệu của cơ quan thuế về việc phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định cụ thể thời gian được miễn/tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 7 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: "... b) Trường hợp dự án được Nhà nước cho thuê đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định cụ thể thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có Quyết định thuê đất hoặc thời điểm được bàn giao đất.”.

- Việc miễn/tạm miễn tiền thuê đất đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm, chưa đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 19 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: “2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt... Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.”.

(Chi tiết tại Phụ lục số 20)

* Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và các Bộ, cơ quan có liên quan có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xem xét miễn tiền thuê đất vườn cây cao su tái canh trong thời gian xây dựng cơ bản từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2020 nêu trên, như sau:

(i) Tại Văn bản số 5579/BNN-TT ngày 13/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gửi Bộ Tài chính về việc xem xét miễn tiền thuê đất vườn cao su tái canh trong thời gian xây dựng cơ bản, có một số ý kiến như sau:

- Trước ngày 1/7/2014, vườn cao su trồng mới và cao su tái canh đều được Nhà nước miễn tiền thuê đất trong thời gian kiến thiết cơ bản.... Tuy nhiên, từ ngày 1/7/2014, đối với diện tích đất đang được Nhà nước cho thuê, thì tại khoản

Handwritten signature

2 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước có bổ sung thêm một điểm mới là... Việc miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản... không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và tái canh vườn cây trên diện tích đất đang được Nhà nước cho thuê.

- Từ năm 2015 trở đi, chủ yếu là thực hiện dần tái canh diện tích cao su hết chu kỳ khai thác, khoảng 20 đến 30 nghìn ha/năm, trong đó phải đầu tư nguồn vốn cho phục hoang, trồng mới, chăm sóc từ 6 đến 8 năm. Trong thời gian này, vườn cao su tái canh chưa có sản phẩm, nên chưa có doanh thu, lợi nhuận, do vậy có khó khăn trong việc nộp tiền thuê đất trồng cao su.

- Xét thấy kiến nghị của Hiệp hội cao su Việt Nam về việc tạm thời miễn tiền thuê đất vườn cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản là cần thiết, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ tạm thời miễn tiền thuê đất vườn cây cao su tái canh trong thời gian xây dựng cơ bản nhằm tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện cho ngành cao su tiếp tục phát triển.

(ii) Tại Văn bản số 5668/BNN-QLDN ngày 16/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gửi Bộ Tài chính về việc miễn tiền thuê đất diện tích trồng tái canh cây cao su trong thời gian kiến thiết cơ bản, có một số ý kiến như sau:

- Thời gian kiến thiết cơ bản cây cao su tái canh theo dự án đầu tư thường kéo dài từ 6 năm đến 8 năm phụ thuộc điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, sinh thái từng khu vực khác nhau. Đây là giai đoạn doanh nghiệp phải đầu tư vốn cho công tác phục hoang, trồng mới và chăm sóc cây cao su kiến thiết cơ bản. Vườn cây cao su chưa có sản phẩm, tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí đầu tư của vườn cây cao su sẽ làm cho suất đầu tư tăng cao, chi phí khấu hao vào giá thành sản phẩm làm tăng giá thành sản phẩm giảm sự cạnh tranh của sản phẩm cao su so với các nước khác.

- Tuy nhiên tại phụ lục Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn ban hành kèm theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ; Quyết định số 2855/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố cây cao su là loại cây đa mục đích; thì cây cao su được xếp vào ngành nghề nông nghiệp đặc biệt ưu đãi.

- Để hỗ trợ cho Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam tháo gỡ khó khăn và phát triển bền vững, đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét đề nghị của Tập đoàn miễn tiền thuê đất vườn cây cao su tái canh trong thời

ks *ck*

gian kiến thiết cơ bản theo quy định tại khoản 10 Điều 19 và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ và được hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

(iii) Tại Văn bản số 513/BTC-QLCS ngày 12 tháng 01 năm 2016, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung sau:

- Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1410/BNN-QLDN ngày 05/02/2015, Bộ Tài chính đã có công văn số 2632/BTC-QLCS ngày 26/02/2015 trả lời Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam với nội dung: "*Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thì diện tích trồng cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản không thuộc đối tượng miễn tiền thuê đất. Trường hợp các công ty cao su thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đã làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất cho vườn cây cao su tái canh trước ngày 01/7/2014 (ngày Nghị định số 46/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014.*

...Trường hợp khi thực hiện nội dung nêu trên, nếu có vướng mắc thì Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 10 Điều 19 và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ".

- Báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và Hiệp hội Cao su Việt Nam về tình hình trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản:
"a) Lý do đề xuất tạm thời miễn tiền thuê đất diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản:

- Theo quy trình kỹ thuật, cây cao su sau khi khai thác 20 năm sẽ tái canh, dự án trồng cây cao su tái canh là dự án độc lập với dự án trồng mới chu kỳ trước đó. Thời gian kiến thiết cơ bản vườn cây cao su tái canh thường là 6-8 năm, trong thời gian này, cây cao su không cho sản phẩm nên không có nguồn để nộp tiền thuê đất.

- Trong điều kiện giá cao su bị giảm trong thời gian qua và dự báo chưa có chuyển biến tích cực đến năm 2020, việc tăng thêm các khoản tiền thuê đất một cách đột ngột so với hiện nay sẽ khó khăn trong việc thu hút đầu tư. Cây cao su là cây thu hút nhiều lao động, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định, xóa đói giảm nghèo cho khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần cải thiện môi sinh, môi trường, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự địa bàn và vành đai biên giới... việc tăng tiền thuê đất sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả doanh nghiệp và đời sống của người lao động.

...

X

ds

b5) Tác động của tiền thuê đất tới giá thành sản xuất mủ cao su:

Theo báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, do thiếu nguồn tự tích lũy, để có tiền nộp tiền thuê đất trong thời gian kiến thiết cơ bản các công ty phải vay vốn. Với tiền thuê đất bình quân 2,5 triệu đồng/ha, thời gian kiến thiết cơ bản bình quân 7 năm, số vốn cần vay là 17,5 triệu đồng/ha, với mức lãi suất bình quân 8%/năm, tiền lãi phát sinh từ khoản tiền thuê đất khoảng 5,6 triệu đồng/ha. Như vậy sẽ làm tăng suất đầu tư 1 ha cao su 23 triệu đồng, làm tăng khấu hao 600.000 đồng/tấn và chi phí lãi vay 400.000 đồng/tấn sản phẩm”.

- Như vậy, ... để hỗ trợ cho các doanh nghiệp ngành cao su tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn hiện nay, căn cứ quy định của pháp luật và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại Thông báo số 305/TB-VPCP ngày 8/9/2015 của Văn phòng Chính phủ; ý kiến đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, Hiệp hội cao su Việt Nam; ý kiến thống nhất của các Bộ, địa phương có liên quan; Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định miễn tiền thuê đất diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản từ năm 2015 đến năm 2020 (tương ứng với thời kỳ khó khăn do giá cao su giảm theo dự báo của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam) theo thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 10 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

(iv) Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam có Công văn số 2734/CSVN-TCKT ngày 15/10/2025 báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 về trước diện tích cao su trong thời gian kiến thiết cơ bản được miễn tiền thuê đất, tuy nhiên từ ngày 1/7/2014 các công ty cao su thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam trồng tái canh cao su trên đất đã thuê của Nhà nước không thuộc diện được miễn, giảm tiền thuê đất theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước... Việc thực hiện quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là một khó khăn rất lớn cho các công ty cao su nói chung và của Tập đoàn nói riêng, cụ thể:

- Theo quy trình kỹ thuật, cây cao su sau khi khai thác 20 năm sẽ tái canh, dự án trồng cao su tái canh là dự án độc lập với dự án trồng mới chu kỳ trước đó.

- Trong điều kiện giá mủ cao su đã liên tục giảm từ năm 2011, ... tại thời điểm ngày 09/12/2014 giá bán chỉ còn 28 triệu đồng/tấn, bằng 30% so với giá bán bình quân năm 2011 và so với đầu năm 2015, đã giảm hơn 15%... Trong điều kiện giá cao su bị giảm..., việc tăng thêm các khoản tiền thuê đất so với giai đoạn trước đó sẽ khó khăn cho các doanh nghiệp trồng cao su...

- Trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 243/TTg-KTN đồng ý thực hiện việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời

vs ch

gian kiến thiết cơ bản từ năm 2015 đến năm 2020, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 9549/BTC-QLCS ngày 12/7/2016 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn với các nội dung như sau:... "3. Thủ tục giải quyết: Hồ sơ, thủ tục giải quyết miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành như đối với các trường hợp miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản vườn cây..."

- Tại thời điểm ban hành các văn bản trên, do chính sách miễn tiền thuê đất diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản là chính sách đặc thù nên không có hướng dẫn riêng về nội dung, trình tự thủ tục miễn tiền thuê đất diện tích trồng cây cao su tái canh trong thời gian kiến thiết cơ bản mà thực hiện theo quy định hiện hành như đối với các trường hợp miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản vườn cây.

Handwritten marks/signatures

C. KẾT LUẬN

I. Việc ban hành một số quy chế về quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại Tập đoàn trong giai đoạn 2018 - 2024

1. Công ty mẹ - Tập đoàn chưa ban hành Quy chế quản lý tiền mặt, tiền gửi theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn.

2. Có 03/06 đơn vị⁸¹ được thanh tra chưa xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của Tập đoàn.

3. Có 04/06 đơn vị⁸² được thanh tra chưa xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các đơn vị do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và các công ty có vốn đầu tư theo quy định của Tập đoàn.

4. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn chậm ban hành/không ban hành Nghị quyết, Văn bản định hướng Suất đầu tư tối đa KTCB do các đơn vị thành viên của Tập đoàn làm chủ đầu tư theo quy định của Tập đoàn.

II. Việc quản lý, sử dụng vốn của nhà nước tại Tập đoàn

1. Việc quản lý, sử dụng vốn của nhà nước tại Tập đoàn và việc chia cổ tức cho phần vốn góp của nhà nước tại Tập đoàn.

Công ty mẹ - Tập đoàn tạm ứng tiền vốn đầu tư cho 17 đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn, tính đến ngày 31/12/2024 số tiền 2.304.428,21 triệu đồng đang theo dõi trên tài khoản phải thu - phải trả nhưng không có văn bản thoả thuận với các công ty thành viên là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2. Việc trích Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty mẹ - Tập đoàn và một số công ty con của Tập đoàn.

2.1. Công ty mẹ - Tập đoàn từ năm 2019 đến năm 2024 trích Quỹ đầu tư phát triển đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật (năm 2018 không trích).

2.2. Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum, Công ty TNHH MTV Cao su Ea Hleo năm 2024 trích Quỹ đầu tư phát triển nhưng chưa sử dụng; Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long từ năm 2018 đến năm 2024 trích Quỹ đầu tư phát triển nhưng chưa sử dụng, chưa đảm bảo hiệu quả, chưa tối ưu hóa lợi ích các nguồn lực của Tập đoàn theo quy định.

2.3. Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà từ năm 2018 đến năm 2024 đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển; số dư Quỹ đầu tư phát triển ghi nhận trên Báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 1.080.829,46 triệu đồng, tại thời điểm 30/6/2025 là 1.175.870,28 triệu đồng. Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đầu tư các công trình đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ và đã hoàn thành được phê duyệt theo quyết định của HĐQT Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà, đã hạch

⁸¹ Gồm: Công ty CP Cao su Đồng Phú, Công ty CP Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Tổng Cty Cao su Đồng Nai.

⁸² Gồm: Công ty CP Cao su Đồng Phú, Công ty CP Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Tổng Cty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

Handwritten signatures

toán tăng TSCĐ, nhưng chưa trình cấp có thẩm quyền tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 6 của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, tiết h, Điểm 3.1, Khoản 3 Điều 35 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế/chia cổ tức và nộp cổ tức/lợi nhuận về Công ty mẹ - Tập đoàn: (i) Các Công ty thuộc Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn chưa nộp kịp thời khoản cổ tức/lợi nhuận được chia về Công ty mẹ - Tập đoàn theo quy định tại Khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020; (ii) Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc, Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, Công ty cổ phần VRG - Đăk Nông, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú chưa phân phối hết lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức cho các cổ đông góp vốn theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 167/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

III. Việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước tại Tập đoàn

1. Việc quản lý nợ phải thu quá hạn thanh toán tại Tập đoàn

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn lũy kế đến 31/12/2024 của Tập đoàn năm 2024 là 1.281.716,75 triệu đồng; Tập đoàn và các đơn vị chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ công nợ phải thu ngắn hạn số tiền 282.498,97 triệu đồng (chiếm 33,98% tổng nợ phải thu ngắn hạn), nợ phải thu ngắn hạn quá hạn 414.706,09 triệu đồng (chiếm 30,66% tổng nợ phải thu ngắn hạn), trong đó nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm: 7.454,94 triệu đồng, nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm: 1.489,89 triệu đồng, nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm: 10.619,83 triệu đồng, nợ quá hạn trên 3 năm hoặc nợ xấu: 327.822,52 triệu đồng và đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 126.982,92 triệu đồng.

- Công ty mẹ - Tập đoàn trả nợ thay cho Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang chưa được thu hồi đúng hạn, không thực hiện đúng cam kết, kế hoạch trả nợ số tiền 181.362,09 triệu đồng; Công ty mẹ - Tập đoàn cho vay vốn, trả thay cho Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie khó có khả năng thu hồi, dẫn đến có nguy cơ mất vốn nhà nước số tiền 92.278,24 triệu đồng; Công ty mẹ - Tập đoàn phải thu khoản nợ quá hạn thanh toán của Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim số tiền 26.927,52 triệu đồng.

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: (i) Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trừ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN chưa đúng quy định pháp luật số tiền 53.984,63 triệu đồng; (ii) Khoản nợ phải thu ngắn hạn chưa thu được đến thời điểm thanh tra của Công ty Cổ phần Quasa Geruco và Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào số tiền 241.237,03 triệu đồng (Công ty Cổ phần Quasa Geruco: 225.567,49 triệu đồng; Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào: 15.669,54 triệu đồng). Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai báo cáo: đến ngày 01/12/2025 đã thu hồi hết công nợ phải thu đối với 02 công ty nêu trên.

2. Việc hạch toán nguyên giá tài sản cố định, hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 35 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, dẫn

h ch

đến hạch toán thiếu nguyên giá tài sản cố định 28.515,76 triệu đồng, tăng chi phí sản xuất kinh doanh không đúng số tiền 11.256,24 triệu đồng.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; Vòng cây cao su kiến thiết cơ bản dở dang kéo dài hoặc ngưng đầu tư

3.1. Kiểm tra việc quản lý đầu tư xây dựng một số dự án

3.1.1. Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỉnh Gia Lai do Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê làm chủ đầu tư: (i) Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án, tính thiếu số tiền 1.500 triệu đồng theo quy định tại Khoản 3, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; (ii) Chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án chưa đúng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 72 Luật Xây dựng 2014, tăng 58,59 tỷ đồng so với tổng mức đầu tư dự án đã được HĐQT Tập đoàn thỏa thuận; (iii) Dự án chưa đáp ứng điều kiện năng lực tài chính để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

3.1.2. Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư: (i) Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú cho 03 công ty thứ cấp thuê lại đất vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 84 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP; (ii) UBND tỉnh Bình Phước có quyết định thu hồi đất từ năm 2005, tuy nhiên đến thời điểm 21/6/2011 Công ty cổ phần cao su Đồng Phú mới bàn giao đất cho UBND tỉnh Bình Phước, chưa đúng quy định tại Điều 15 và Khoản 7 Điều 107 Luật Đất đai 2003.

3.1.3. Dự án mở rộng dây chuyền chế biến cốm tạt SVR 10,2 công suất lò sấy 1,5 tấn/giờ, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 620 m³/ngày, đem lên 900 m³/ngày, đem nhà máy chế biến mù cao su do Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy làm chủ đầu tư: (i) Chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh Dự án trước khi có ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum, chưa đúng quy định tại Khoản 5 Điều 61 Luật Xây dựng 2014 và Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; (ii) Dự án không thực hiện lập lại và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường 2014 và Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; (iii) Dự toán của dự án có khoản chi phí lãi vay vào tổng mức đầu tư chưa đúng quy định tại Khoản 6 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BXD, làm tăng tổng mức đầu tư 873,905 triệu đồng; (iv) Chi phí quản lý dự án tính thêm thuế GTGT 10%, số tiền 49,339 triệu đồng chưa đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 16/2019/TT-BXD.

3.1.4. Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy chế biến mù SVR 10-20 công suất 5.000 tấn/năm do Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu làm chủ đầu tư: (i) Chủ đầu tư phê duyệt dự án trước khi có ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu, chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 56, điểm a Khoản 3 Điều 57 Luật Xây dựng 2014; (ii) Chi phí quản lý dự án tính thêm thuế GTGT 10%, số tiền 93,085 triệu đồng chưa đúng quy định tại điểm 3 Mục I Phần I Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng.

H *Ch*

3.2. Công tác đấu thầu tại một số Dự án trồng và chăm sóc cây cao su kiến thiết cơ bản

3.2.1. Đối với việc lập, thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT): (i) Một số HSMT nêu một số điều kiện không có quy định của pháp luật về đấu thầu có thể làm hạn chế khả năng tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một số nhà thầu gây cạnh tranh không bình đẳng, chưa đúng quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; (ii) HSMT quy định hợp đồng tương tự về giá trị chưa phù hợp Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa (Mẫu 02) Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT.

3.2.2. Đối với việc đánh giá Hồ sơ dự thầu (HSDT): (i) Một số gói thầu, Tổ chuyên gia không xin ý kiến của Chủ đầu tư về việc xử lý tình huống mà vẫn tiến hành đánh giá là không đúng quy định tại Khoản 5 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; (ii) Một số gói thầu còn thiếu tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm hoặc kê khai thiếu số lượng Hợp đồng tương tự theo yêu cầu của HSMT... nhưng không được bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ (bổ sung hồ sơ, tài liệu chứng minh) trước khi đề nghị phê duyệt trúng thầu.

3.2.3. Việc ký hợp đồng và nghiệm thu thanh toán: Ký hợp đồng và nghiệm thu thanh toán vượt giá gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, chưa đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 5 Quyết định số 461/QĐ-HDQTCSVN của Tập đoàn.

3.3. *Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản dở dang kéo dài hoặc ngưng đầu tư:* (i) Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản từ năm 2015 trở về trước của 22 công ty với diện tích 12.655,14 ha, giá trị 1.919,37 tỷ đồng, còn đang dở dang kéo dài, chưa đúng quy định tại Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (ii) Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản của 09 công ty với diện tích 7.265,86 ha, giá trị 1.179,26 tỷ đồng là những vườn cây ngưng đầu tư, kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác, chưa đúng quy định tại Điều 58, Điều 59 Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Khoản 6 Điều 5 Luật số 69/2014/QH14, trong đó có 08 vườn cây cao su KTCB của 02 Công ty (Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê, Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh) là những vườn cây ngưng đầu tư, kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác, dẫn đến nguy cơ không bảo toàn được vốn đã đầu tư là không đúng quy định tại Khoản 6 Điều 5, điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 35 và Khoản 2 Điều 48 Luật số 69/2014/QH14.

4. Việc bàn giao đất về địa phương; diện tích đất bị lấn, chiếm, tranh chấp; sử dụng đất chưa được cấp có thẩm quyền giao, cho thuê

4.1. Việc bàn giao đất về địa phương: có 05 điểm đất (tổng diện tích 585,63 ha) và 03 Công ty thuộc Tập đoàn đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các công ty của Tập đoàn chưa hoàn thành việc bàn giao đất về địa phương, đang quản lý nhưng không sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích theo quyết định thu hồi đất của địa phương.

ke *du*

4.2. Diện tích đất bị lấn, chiếm, tranh chấp: có 06 Công ty được UBND tỉnh giao, cho thuê sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng bị các tổ chức, cá nhân lấn, chiếm 1.634,60 ha.

4.3. Có 02 công ty trồng cây cao su trên diện tích đất chưa có quyết định giao, cho thuê đất, gồm: (i) Công ty Cổ phần cao su Phú Riêng, chưa được UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định cho thuê đất để sử dụng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, trồng cây cao su với diện tích 9.417,24 ha, Công ty đã sử dụng để trồng cây cao su trên diện tích 815,8 ha, Công ty chưa nộp tiền thuê đất đối với diện tích này; (ii) Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh, nhận bàn giao diện tích đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiêt, với diện tích 793,13 ha, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên, Công ty đã sử dụng để trồng cây cao su và cây keo lai trên diện tích 750,32ha.

5. Việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn

- Hiệu quả đầu tư tài chính của Tập đoàn/công ty thuộc Tập đoàn chưa cao so với quy mô vốn đầu tư. Còn tồn tại tình trạng một số công ty con hoạt động kém hiệu quả thua lỗ/lỗ lũy kế nhiều năm chưa bảo đảm yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn nhà nước theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Tập đoàn, tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm giá trị vốn đầu tư, tiềm ẩn rủi ro mất vốn nhà nước.

- Công ty mẹ -Tập đoàn và 05 công ty thuộc Tập đoàn⁸³ được thanh tra thực hiện góp vốn, cổ phần đầu tư tại công ty con chưa thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ của Tập đoàn.

- Công ty mẹ Tập đoàn và 03 công ty thuộc Tập đoàn⁸⁴ được thanh tra không xây dựng kế hoạch giám sát tài chính đối với các công ty con có vốn đầu tư của Tập đoàn giai đoạn 2018 – 2024 theo quy định nội bộ của Tập đoàn, dẫn đến một số công ty con có dấu hiệu mất an toàn tài chính không được giám sát chặt chẽ/đặc biệt kịp thời.

- Công ty mẹ Tập đoàn và 04 công ty thuộc Tập đoàn⁸⁵ được thanh tra không thực hiện giám sát chặt chẽ/giám sát đặc biệt đối với một số công ty con có dấu hiệu mất an toàn tài chính theo quy định nội bộ của Tập đoàn.

- Tập đoàn chưa thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp và tái cơ cấu các khoản đầu tư đến hết năm 2025 theo Đề án đã được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thông qua.

IV. Việc quản lý doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

1. Việc quản lý doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

⁸³ Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

⁸⁴ Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai Công ty CP Cao su Đồng Phú.

⁸⁵ Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty CP Cao su Phước Hòa, Công ty CP Cao su Đồng Phú.

Handwritten signatures

1.1. Công ty CP Cao su Bà Rịa: (i) hạch toán khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không đúng quy định số tiền 1.853,9 triệu đồng; (ii) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh tăng không đúng quy định số tiền 378,85 triệu đồng.

1.2. Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: (i) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh tăng không đúng số tiền 9.883,62 triệu đồng; (ii) hạch toán không đúng khoản trích dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không đúng quy định số tiền 53.984,63 triệu đồng; (iii) năm 2024 hạch toán thiếu doanh thu tài chính đối với cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thống Nhất số tiền 5.915,52 triệu đồng.

1.3. Công ty CP Cao su Phước Hòa: hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh tăng số tiền 993,75 triệu đồng không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

2.1. Thuế Giá trị gia tăng: Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú thực hiện kê khai sản phẩm nước thô thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không đúng quy định tại Điều 5, Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 và Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Kê khai nộp bổ sung số tiền 13.418,95 triệu đồng (Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: 12.773,65 triệu đồng; Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa: 446,55 triệu đồng; Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa: 198,75 triệu đồng).

2.3. Việc nộp tiền thuê đất và miễn tiền thuê đất:

2.3.1. Số tiền thuê đất từ năm 2018 đến tháng 10/2025 các Công ty còn phải nộp ngân sách nhà nước (tạm tính) là 894.029,07 triệu đồng, trong đó bao gồm tiền thuê đất của diện tích đất đường lô trồng cây cao su và diện tích đất khác thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định pháp luật nhưng chưa kê khai, chưa nộp ngân sách nhà nước số tiền tạm tính là 107.231,63 triệu đồng.

2.3.2. Công ty thuộc Tập đoàn có Văn bản gửi Cơ quan Thuế đề nghị miễn tiền thuê đất đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh và cơ quan Thuế ban hành thông báo, quyết định cho được miễn/tạm miễn tiền thuê đất; tuy nhiên kiểm tra hồ sơ, tài liệu các công ty thuộc Tập đoàn báo cáo Đoàn thanh tra về miễn/tạm miễn tiền thuê đất đối với một số diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh thấy chưa đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định: (i) thời điểm nộp hồ sơ của 06 Công ty chưa đảm bảo theo thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 8 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP của Chính phủ; (ii) hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của 07 Công ty cung cấp cho Đoàn thanh tra chưa có văn bản, tài liệu của cơ quan Thuế về việc phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định cụ thể thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 7 Thông tư số 333/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; (iii) việc miễn/tạm miễn tiền thuê đất đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành quy trình kỹ

2 ch

thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm, chưa đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 19 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

V. Trách nhiệm

Để xảy ra các vi phạm, khuyết điểm nêu trên, trách nhiệm thuộc về: (i) Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Tập đoàn, các công ty thuộc Tập đoàn được thanh tra và các cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp, liên quan đối với các nội dung có tồn tại, khuyết điểm, vi phạm được nêu trong Kết luận thanh tra này; (ii) Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và quyền đại diện chủ sở hữu tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, nhất là trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại Tập đoàn; (iii) Một số tập thể, cá nhân có liên quan những vi phạm, khuyết điểm nêu tại Kết luận thanh tra.

Handwritten signature

D. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả thanh tra tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Thanh tra Chính phủ kiến nghị như sau:

I. Đối với Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và các Công ty thuộc Tập đoàn

1. Kiến nghị xử lý tài chính, đề nghị Tập đoàn chỉ đạo các đơn vị:

- Khẩn trương phối hợp, làm việc với Cơ quan Thuế và các cơ quan có thẩm quyền tại các tỉnh, thành phố: (i) Kiểm tra, rà soát xác định chính xác tiền thuê đất phải nộp để thực hiện nộp đúng, đủ tiền thuê đất còn phải nộp đến thời điểm thanh tra (tháng 10/2025), số tiền tạm tính đối với 10 Công ty được thanh tra là 894.029,07 triệu đồng⁸⁶ (nêu tại tiết 2.3.1 và Phụ lục số 19, điểm 2.3, khoản 2, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra); (ii) Rà soát, xác định chính xác số tiền thuê đất các cơ quan Thuế đã cho các công ty thuộc Tập đoàn được miễn/tạm miễn đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh theo Công văn số 234/TTg-KTN ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ để nộp đúng, đủ vào ngân sách nhà nước số tiền thuê đất không được miễn theo quy định (nêu tại tiết 2.3.2 và Phụ lục số 20, điểm 2.3, khoản 2, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra); (iii) Đối với các công ty trực thuộc Tập đoàn chưa được thanh tra: phối hợp với cơ quan Thuế và các cơ quan có thẩm quyền tại các tỉnh, thành phố rà soát xác định chính xác, tính đúng, đủ số tiền thuê đất còn phải nộp để nộp ngân sách nhà nước (nếu chưa đúng), số tiền thuê đất cơ quan Thuế đã cho miễn/tạm miễn theo Công văn số 234/TTg-KTN ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định để nộp đúng, đủ vào ngân sách nhà nước (nếu có).

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: (i) Hạch toán giảm chi phí SXKD và tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN 9.883,62 triệu đồng (nêu tại điểm 1.2, khoản 1, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra); (ii) Hạch toán tăng lợi nhuận sau thuế năm 2024 đối với cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thống Nhất số tiền 5.915,52 triệu đồng (nêu tại điểm 1.2, khoản 1, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra); (iii) kê khai, nộp bổ sung thuế TNDN 12.773,65 triệu đồng (nêu tại điểm 2.2, khoản 2, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra).

- Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa: (i) Hạch toán giảm chi phí sản xuất kinh doanh và tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN số tiền 378,85 triệu đồng (nêu tại điểm 1.1, khoản 1, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra); (ii) kê khai, nộp bổ sung thuế TNDN 446,55 triệu đồng (nêu tại điểm 2.2, khoản 2, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra).

- Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa: (i) Hạch toán giảm chi phí sản xuất kinh doanh và tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN số tiền 993,75 triệu đồng (nêu tại điểm 1.3, khoản 1, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra); (ii) kê khai, nộp bổ sung thuế TNDN 198,75 triệu đồng (nêu tại điểm 2.2, khoản 2, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra).

⁸⁶ Gồm: Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú: 38.438,07 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng: 4.183,78 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng: 62.530,86 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh: 49.485,51 triệu đồng; Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa: 33.120,57 triệu đồng; Công ty cổ phần cao su Phước Hòa: 53.982,33 triệu đồng; Công ty cổ phần Cao su Tân Biên: 23.480,19 triệu đồng; Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình: 2.394,12 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long: 99.048 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai: 527.365,59 triệu đồng.

K *Chu*

- Công ty cổ phần cao su Đồng Phú thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT đối với mặt hàng nước thô theo quy định pháp luật (nêu tại điểm 2.1, khoản 2, mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra).

- Các công ty sau khi điều chỉnh hạch toán, trích lập các quỹ theo quy định và nộp thuế, xác định lợi nhuận tăng thêm/cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế tăng thêm cho phần vốn góp của Tập đoàn và nộp về Tập đoàn theo quy định.

2. Khẩn trương, kịp thời rà soát, ban hành một số Quy chế nội bộ của Tập đoàn; Ban hành và thực hiện Suất đầu tư tối đa trồng và chăm sóc cây cao su KTCB kịp thời, phù hợp với thực tế (nêu tại Mục I, phần B, Kết luận thanh tra).

3. Chỉ đạo người đại diện vốn của Tập đoàn: (i) Tại các công ty thuộc Tập đoàn đôn đốc, giám sát, thu hồi lợi nhuận, cổ tức được chia theo quy định còn phải nộp về Công ty mẹ - Tập đoàn đến thời điểm 30/10/2025; có ý kiến quyết định/biểu quyết tại cuộc họp HĐQT/HĐQT/Đại hội đồng cổ đông phân phối hết lợi nhuận sau thuế và nộp về Tập đoàn theo quy định pháp luật; (ii) Tại Công ty cổ phần VRG - Bảo Lộc, Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, Công ty cổ phần VRG - Đắk Nông, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú có ý kiến quyết định/biểu quyết tại cuộc họp HĐQT/Đại hội đồng cổ đông chia hết cổ tức từ lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối. Tập đoàn/các công ty thuộc Tập đoàn xác định lợi nhuận sau thuế tăng thêm sau khi các công ty có vốn đầu tư của Tập đoàn chia cổ tức/lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2024, từ đó xác định cổ tức/lợi nhuận được chia cho cổ đông nhà nước tại Tập đoàn và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước (nêu tại khoản 3, Mục II, Phần B, Kết luận thanh tra).

4. Tập đoàn và các chủ đầu tư: (i) Thu xếp, cấp đủ số vốn chủ sở hữu theo quy định để sớm đưa Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỉnh Gia Lai đi vào hoạt động; (ii) Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê nộp bổ sung tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án còn thiếu theo quy định pháp luật; (iii) Làm rõ, xử lý nghiêm trách nhiệm các tập thể, cá nhân trong việc: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú cho 3 doanh nghiệp thuê lại đất khi chưa được UBND tỉnh Bình Phước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khu công nghiệp Bắc Đồng Phú; phê duyệt, điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng chưa đúng quy định; không lập lại, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2014; (iv) Công ty cổ phần Cao su Sa Thầy và Công ty cổ phần Cao su Lai Châu có trách nhiệm giảm trừ khi nghiệm thu, thanh quyết toán chi phí quản lý dự án, số tiền 142,424 triệu đồng (nêu tại điểm 3.1, khoản 3, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

5. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm trách nhiệm các tập thể, cá nhân thực hiện một số dự án trồng tái canh và chăm sóc cây cao su kiến thiết cơ bản trong việc: (i) phê duyệt hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu chưa đúng quy định pháp luật về đấu thầu và các quy chế của Tập đoàn; (ii) ký hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán vượt giá gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt (nêu tại điểm 3.2, khoản 3, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

W ds

6. Tập đoàn và các Công ty rà soát, đối chiếu, đôn đốc, thu hồi, xử lý các khoản tạm ứng vốn cho 17 đơn vị thành viên 100% vốn của Tập đoàn, tránh việc sử dụng nguồn vốn tạm ứng của Tập đoàn không đúng mục đích (nêu tại khoản 1, Mục II, Phần B, Kết luận thanh tra).

7. Tập đoàn chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum, Công ty TNHH MTV Cao su Ea H'leo và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long thực hiện trích, quản lý, sử dụng Quỹ đầu tư phát triển theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tối ưu hoá nguồn lực của Tập đoàn (nêu tại điểm 2.2, khoản 2, Mục II, Phần B, Kết luận thanh tra).

8. Tập đoàn thực hiện kiểm tra, rà soát, yêu cầu Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển theo đúng quy định pháp luật; chỉ đạo Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà: (i) báo cáo cấp có thẩm quyền tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu đối với nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển đã đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định và đã hoàn thành được phê duyệt theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà, đã hạch toán tăng tài sản cố định; (ii) hạch toán kế toán, ghi sổ kế toán, báo cáo tài chính Quỹ đầu tư phát triển theo đúng quy định pháp luật (nêu tại điểm 2.3, khoản 2, Mục II, Phần B, Kết luận thanh tra).

9. Tập đoàn tổ chức thực hiện và chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có vốn đầu tư từ Tập đoàn đối chiếu, xác nhận đúng, đầy đủ nợ phải thu theo đúng quy định của pháp luật; có biện pháp quyết liệt trong việc đôn đốc thu hồi xử lý các khoản nợ phải thu nhằm bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Nhà nước đầu tư vào Tập đoàn và vốn của Tập đoàn đầu tư vào các doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật; tránh để tồn đọng, tiềm ẩn rủi ro mất vốn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (nêu tại khoản 1, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

10. Tập đoàn kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc đầu tư vườn cây cao su kiến thiết cơ bản dở dang kéo dài, đã ngưng đầu tư, kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác, dẫn đến nguy cơ không bảo toàn được vốn đã đầu tư. Kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và khẩn trương có các biện pháp khắc phục để bảo toàn vốn nhà nước theo quy định (nêu tại điểm 3.3 và Phụ lục số 9 và Phụ lục số 10, khoản 3, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

11. Tập đoàn và các Công ty thuộc Tập đoàn kiểm tra, rà soát, xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc để xảy ra kết quả hoạt động thua lỗ/lỗ lũy kế kéo dài tại các công ty có vốn đầu tư của Tập đoàn, chỉ đạo các đơn vị khẩn trương có các biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót, vi phạm trong đầu tư tài chính dài hạn: (i) Tăng cường rà soát, đánh giá các khoản đầu tư tài chính tại doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả, xảy ra tình trạng lỗ/lỗ lũy kế kéo dài; chỉ đạo Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn có ý kiến với HĐQT/HĐQT xây dựng phương án để khắc phục các khó khăn, vướng mắc, nhằm đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo quy định; (ii) Rà soát, báo cáo Cơ quan

h *du*

đại diện chủ sở hữu khắc phục tình trạng sở hữu chéo giữa các công ty của Tập đoàn không đúng theo quy định pháp luật và quy chế nội bộ của Tập đoàn; (iii) Kiểm tra, giám sát, khắc phục những hạn chế, tồn tại, chần chừ công tác quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả, có dấu hiệu mất an toàn tài chính; (iv) Khẩn trương thực hiện Đề án cơ cấu lại Tập đoàn giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt (nêu tại khoản 5, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

12. Chỉ đạo các đơn vị thành viên phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tại các địa phương thực hiện bàn giao đất về địa phương theo đúng quy định của pháp luật. Báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý dứt điểm tình trạng đất bị lấn, chiếm, tranh chấp; chần chừ, rút kinh nghiệm và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý tình trạng sử dụng đất khi chưa có quyết định giao, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền; làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về các Hợp đồng thuê đất có đơn giá thuê đất đã hết hiệu lực để xử lý theo quy định pháp luật (nêu tại khoản 3, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

II. Đối với Bộ Tài chính

1. Chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: (i) Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc đầu tư vườn cây cao su kiến thiết cơ bản dở dang kéo dài, đã ngưng đầu tư, kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác. Kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và khẩn trương có các biện pháp khắc phục để bảo toàn vốn nhà nước theo quy định (nêu tại điểm 3.3 và Phụ lục số 9, Phụ lục số 10, khoản 3, Mục III, Phần B Kết luận thanh tra); (ii) Khẩn trương rà soát, báo cáo, khắc phục ngay tình trạng Công ty mẹ, công ty con, sở hữu chéo giữa các công ty trong nhóm công ty thuộc Tập đoàn, thực hiện góp vốn, cổ phần đầu tư tại các công ty con theo đúng quy định pháp luật và quy chế nội bộ của Tập đoàn; (iii) Kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc để xảy ra kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ/lỗ lũy kế kéo dài tại các công ty có vốn đầu tư của Tập đoàn; thực hiện kiểm tra, giám sát việc đầu tư tài chính dài hạn tại Tập đoàn và có biện pháp khắc phục các tồn tại, khó khăn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mẹ - Tập đoàn/các công ty thuộc Tập đoàn kinh doanh kém hiệu quả, tiềm ẩn rủi ro, để bảo toàn và phát triển vốn nhà nước theo quy định pháp luật (nêu tại khoản 5, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

2. Chỉ đạo Thuế các tỉnh, thành phố phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, xác định chính xác, tính đúng, đủ: tiền thuê đất phải nộp của các công ty thuộc Tập đoàn để yêu cầu các công ty kịp thời nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật; tiền thuê đất được miễn đối với diện tích kiến thiết cơ bản trồng cây cao su tái canh theo Công văn số 234/TTg-KTN ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu các Công ty thuộc Tập đoàn nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền thuê đất không được miễn theo quy định; làm rõ vi phạm, xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan để xử lý theo đúng quy định pháp luật

✓ ch

(nêu tại điểm 4.3, khoản 4, Mục III; tiết 2.3.1 và Phụ lục số 19, tiết 2.3.2 và Phụ lục số 20, khoản 2, Mục IV, Phần B, Kết luận thanh tra).

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, chỉ đạo các cơ quan xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền nêu tại Kết luận thanh tra này theo quy định pháp luật; chỉ đạo kiểm tra, giám sát các nội dung khác chưa được Thanh tra Chính phủ thanh tra, để xem xét, chấn chỉnh, xử lý theo quy định pháp luật.

III. Đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Theo thẩm quyền, chủ động báo cáo, tham mưu, đề xuất Chính phủ các cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, sử dụng đất trồng cây cao su để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện pháp luật đất đai; việc xử lý, giải quyết các tranh chấp đất nông nghiệp, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, tránh khiếu kiện đông người kéo dài, phức tạp, vượt cấp lên Trung ương, tránh ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các tỉnh, thành phố, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các công ty của Tập đoàn: (i) Thực hiện hoàn thiện đo đạc, cắm mốc, giới, vẽ bản đồ, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty cao su thuộc Tập đoàn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các tỉnh, thành phố trong việc quản lý, sử dụng đối với các phần diện tích đất thu hồi từ các công ty cao su, đất bị lấn, chiếm, đất chậm bàn giao về địa phương theo quy định pháp luật; (ii) Có biện pháp xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai như lấn, chiếm đất, tranh chấp đất.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai và giải quyết các tranh chấp đối với diện tích đất đai được nhà nước giao, cho thuê đối với các công ty cao su thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

IV. Đối với UBND các tỉnh, thành phố có liên quan

1. UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan trong việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trồng cây cao su để xảy ra tình trạng kém hoặc không hiệu quả, ít có khả năng đưa vào khai thác, dẫn đến nguy cơ không bảo toàn được vốn đã đầu tư của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê, Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam để kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật (nêu tại điểm 3.3 và Phụ lục số 9, Phụ lục số 10, khoản 3, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra).

2. UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo các cơ quan chức năng: (i) Kiểm tra, rà soát các quyết định thu hồi đất để đảm bảo thu hồi đất về địa phương kịp thời, tránh việc đã có quyết định thu hồi nhưng chưa làm các thủ tục bàn giao, vấn đề cho các công ty quản lý, sử dụng không đúng quy định pháp luật (nêu tại điểm 4.1 và điểm 4.4, khoản 4, Mục III,

le ds

Phần B, Kết luận thanh tra); (ii) Kịp thời thu hồi đất đã cho các công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam quản lý, thuê sử dụng đất sản xuất kinh doanh nhưng bị các tổ chức, cá nhân lấn, chiếm đất của nhà nước, đảm bảo quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật (*nêu tại điểm 4.2, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra*).

3. UBND tỉnh Lâm Đồng (trước khi sáp nhập là UBND tỉnh Đăk Nông) chỉ đạo kiểm tra, rà soát xử lý dứt điểm tình trạng đã giao đất cho Công ty cổ phần cao su Phú Riêng quản lý nhưng chưa ban hành quyết định cho thuê đất, chưa ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất Công ty đã sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trồng cây cao su (*nêu tại tiết 4.3.1, điểm 4.3, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra*).

4. UBND tỉnh Đồng Nai (trước khi sáp nhập là UBND tỉnh Bình Phước) chỉ đạo, kiểm tra, xử lý nghiêm việc Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh nhận bàn giao diện tích đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết sử dụng để trồng cây cao su và cây keo lai khi chưa được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa ký hợp đồng thuê đất (*nêu tại tiết 4.3.2, điểm 4.3, khoản 4, Mục III, Phần B, Kết luận thanh tra*).

V. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền căn cứ Kết luận thanh tra thực hiện xử lý vi phạm hành chính, kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, xác định rõ trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan ở từng khâu, từng cấp, từng thời kỳ có vi phạm, khuyết điểm, tồn tại để xử lý theo quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện Kết luận thanh tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại, thất thoát, lãng phí vốn và tài sản của nhà nước phải kịp thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển hồ sơ đến Cơ quan Điều tra để xử lý theo quy định pháp luật. /

Nơi nhận: *NĐƯ*

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Phó TTg CP Nguyễn Hòa Bình (đề b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (đề b/c);
- Phó Tổng TTCP Dương Quốc Huy;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND TP Hồ Chí Minh;
- UBND các tỉnh: Đồng Nai, Gia Lai, Lâm Đồng, Tây Ninh;
- Tập đoàn CN cao su Việt Nam;
- Cục XIII, Cục XIV, Vụ KHTC TTCP;
- Lưu: VT, C.VI, HS Đoàn thanh tra (ĐTK 19b).

* Được phép sao chụp theo quy định.

Chữ ký

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Dương Quốc Huy
Dương Quốc Huy